

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 802 /TTMS-NVD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

THƯ CHIẬP MUA

HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO TRÒA THUẬN KIỂM

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội

Căn cứ Quyết định số 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thông báo Bản mời thầu đã chấp thuận Hồ sơ đề xuất của nhà thầu cung cấp một số thuốc biệt dược gốc đã đàm phán thành công với giá trúng thầu đã được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 nêu trên và trao Thỏa thuận khung cho Quý nhà thầu để thực hiện cung cấp một số thuốc Biệt dược gốc thuộc Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: DPG.BIDG.04.2021) cụ thể như sau: 01 mặt hàng với tổng giá trị 443.633.774.892 đồng (Bốn trăm Bốn trăm bốn mươi ba tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: Từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 11/01/2025.

Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày ký đến hết ngày 11/01/2025.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia đề nghị nhà thầu thực hiện một số nội dung sau:

1. Chấp thuận điều chỉnh số lượng thuốc trúng thầu theo đề nghị của Bệnh viện Bạch Mai theo quy định tại Mục 20 Chương I Chi dẫn nhà thầu của Hồ sơ yêu cầu về việc thay đổi số lượng thuốc vào thời điểm trao Thỏa thuận khung (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

2. Thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 24 Chương VII - Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ yêu cầu đối với các cơ sở y tế tại Bảng 4, Phần 4 Phụ lục - Danh sách, số lượng yêu cầu cung ứng các thuốc

Biệt được gốc tương thân cho lòng cơ sở y tế của Hồ sơ yêu cầu và cấp nhật số lượng điều chỉnh thuộc vùng cấp cho Bệnh viện Bạch Mai nêu trên với tổng số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng không thấp hơn **13.342.097.067 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi bảy đồng).**

- Thời gian hiệu lực bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 11/02/2025.

3. Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia trước ngày 10/01/2023 tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia, Bộ Y tế, số 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội (chỉ tiết tại Phụ lục III và dự thảo Thỏa thuận khung kèm theo).

4. Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia đề nghị Nhà thầu có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung, điều chỉnh số lượng thuộc cung cấp và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu. Bên mời thầu sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung với Nhà thầu trong trường hợp phải hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nêu đến ngày 10/01/2023 mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu: VT, NVĐ.

CHÀM ĐỌC

 Lê Thanh Dũng

(Kèm theo Thư chấp thuận và trao Thỏa thuận khung số 402/TTMS-NVD ngày 28/12/2022 của

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

[illegible]

**PHỤ LỤC II: DANH SÁCH, SỐ LƯỢNG YÊU CẦU CUNG ỨNG
CÁC THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CƠ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**
(Kèm theo Quyết định chấp thuận và trao Thỏa thuận khung số 802-ĐTTMS-NYD ngày 28/12/2022 của
Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

TT	STT tại Bảng 4 HSYC	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tại Bảng 4 HSYC	Số lượng điều chỉnh	Số lượng sau điều chỉnh	Mã CSYT	Tên CSYT đề nghị điều chỉnh	Đơn vị quản lý	Miền
1	1170	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (IDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine tỉ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ml	Bát tiêm	5.500	-5.500	11.000	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc

HỊ KÝ KÊ
/TMS-NK
(Quốc gia)

vt_Van th

Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia)

nh mục đã

Số lượng
đề nghị
ký kết
Thỏa
thuận
không

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2023

THỎA THUẬN KHUNG

Số: **02 /2023/TTK-ĐPG**

Về việc cung cấp một số thuốc Biệt dược gốc thuộc Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.04.2021)

Căn cứ Luật Dấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dấu thầu về lựa chọn Nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Quyết định số 4250/QĐ-BYT ngày 04/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc từng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3);

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TTMS ngày 12/9/2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;



Căn cứ Quyết định 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao đổi thỏa thuận khung số 802/TI/MS-NVD ngày 28/12/2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Công văn số 34-2023CV/HPC-KDXNK ngày 09/01/2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội về việc phúc đáp thư chấp thuận HSPX và trao TTK số 802/TI/MS-NVD - DPC.BDG.04.2021;

Hôm nay, ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung:

- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia
- Đại diện: Ông Lê Thanh Dũng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024 62732339

II. Nhà thầu cung cấp thuốc

- Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội
- Mã số thuế: 01 001 09699
- Đại diện: Ông Đinh Văn Đông
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Số 2 phố Hàng Bài, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 024 71065222

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu các Gói thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc Danh mục áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 như sau:

1. Phạm vi cung cấp:

- Phạm vi cung cấp là một số mặt hàng thuốc trúng thầu Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: DPC.BDG.04.2021) theo số lượng của từng mặt hàng phân bổ cho các cơ sở y tế trên toàn quốc tại Quyết định 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

(chỉ tiết thông tin thuộc trường mẫu và phạm vi cung cấp tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo).

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu ký hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế trên toàn quốc. Phần công về việc ký kết hợp đồng và cung ứng thuốc theo địa bàn, cụ thể như sau:

+ Đối với các cơ sở y tế tại khu vực miền Bắc và miền Trung (từ Gia Lai, Bình Định trở ra các thành phố và các tỉnh phía Bắc), bao gồm các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Yên Bái, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Sơn La, Lạng Sơn, Hòa Bình, Quảng Ninh, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Kon Tum, Quảng Ngãi, Gia Lai, Bình Định: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội thực hiện;

+ Đối với Các cơ sở y tế tại khu vực miền Nam (từ Phú Yên, Đắk Lắk trở vào các thành phố và các tỉnh phía Nam), bao gồm các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội thực hiện;

- Đối với các cơ sở y tế có sự thay đổi thông tin về tên và mã cơ sở khám, chữa bệnh được phê duyệt tại các Quyết định sau ngày ký Thỏa thuận khung này, thực hiện theo Quyết định của cơ quan ban hành.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt cho các cơ sở y tế kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 11/01/2025 theo quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; Nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của các cơ sở y tế theo danh mục đính kèm tại Phụ lục 2 và tại các văn bản chấp thuận điện tiết thuốc trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

3. Điều kiện bán giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng:

3.1. Điều kiện bán giao hàng hóa:

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế.

HOA PHẢI
C PHẢI
T BI Y
À NỘI

Hiện sử dụng còn lại của thuốc trùng đầu tinh từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải hao hụt tối thiểu còn 06 tháng với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và được Bộ Y tế phê duyệt. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế theo danh mục đính kèm tại Phụ lục 2 và tại các văn bản chấp thuận điều tiết thuốc trùng đầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc... phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc "Thực hành tốt phân phối thuốc - GPP" mà Nhà thầu đã đạt được.

3.2. Điều kiện thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với Nhà thầu thực hiện thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi Nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

- Đối với các cơ sở y tế tư nhân, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán sẽ theo thỏa thuận cụ thể giữa nhà thầu và cơ sở y tế trong hợp đồng.

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa:

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế không cao hơn giá trúng thầu đã được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc danh mục thuốc được

áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành:

- I-làng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.
- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong điều kiện chung nêu tại Chương V và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI của Hồ sơ yêu cầu.

6. Trách nhiệm của Nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa:

- Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế theo Phạm vi cung ứng thuốc chi tiết tại Phụ lục 2 và gửi 01 bản sao chụp hợp đồng đã ký về hòm thư điện tử của Trung tâm theo địa chỉ nghepvuduc.tms@gmail.com và nghepvuduc.tms@moh.gov.vn.

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không cao hơn giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Bộ Y tế phê duyệt. Đảm bảo duy trì lượng thuốc tồn kho tối thiểu để cung ứng cho các cơ sở y tế trên toàn quốc trung bình 01 tháng.

- Trên cơ sở số lượng tồn kho thực tế, Nhà thầu sẽ giao hàng tới các cơ sở y tế ngay khi hoàn thành ký kết hợp đồng cung ứng thuốc và nhận được đặt hàng từ các cơ sở y tế.

- Thực hiện cung ứng thuốc theo yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V, điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI trong Hồ sơ yêu cầu và nội dung cam kết của Nhà thầu được nêu tại Hồ sơ yêu cầu, hợp đồng đã ký giữa nhà thầu với các cơ sở y tế.

- Thực hiện chế độ báo cáo cho Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về khả năng cung ứng và tình hình thực hiện hợp đồng, bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý theo quy trình báo cáo và điều tiết do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Trường hợp các cơ sở y tế có nhu cầu mua tăng thêm hoặc đã được Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/Sở Y tế/Tổng tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia chấp nhận điều tiết các thuốc trúng thầu, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/QĐ-TTWS ngày 29 tháng 6 năm

2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đầu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3).

- Các thuốc đề nghị trúng thầu có giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực trước khi thỏa thuận khung hết hiệu lực, Nhà thầu phải hợp với cơ sở đăng ký thuốc thực hiện theo quy định đề thuốc tiếp tục được gia hạn số giấy đăng ký lưu hành hoặc phối hợp với nhà sản xuất có kế hoạch dự trữ tồn kho để bảo đảm cung ứng cho các cơ sở y tế trong suốt thời gian thực hiện Thỏa thuận khung.

- Các văn bản chấp thuận việc điều tiết các thuốc trúng thầu tại Phụ lục 1 và các văn bản thay thế thuốc trúng thầu trong quá trình thực hiện thỏa thuận khung do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận khung này. Các điều khoản khác trong Thỏa thuận khung không thay đổi và có giá trị áp dụng đối với các bên.

7. Trách nhiệm của các cơ sở y tế:

- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu trong thời gian 45 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày ký cho đến hết ngày 11/01/2025.

- Thanh toán và thanh lý hợp đồng với Nhà thầu cung ứng thuốc theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu tại địa chỉ www.ttns.moh.gov.vn theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đầu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành, cụ thể:

- Trước ngày 10 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý ưu tiên địa bàn gửi báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức đàm phán về Sở Y tế/Đon vị mua sắm tập trung cấp địa phương lương ứng đề tổng hợp, báo cáo Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

+ Trước ngày 15 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế báo cáo quá trình thực hiện hợp đồng cung cấp

thuộc thuộc Danh mục thuốc áp dụng hình thức đàm phán giá gửi về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

+ Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng để xem xét giải quyết.

- Các cơ sở y tế bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung.

- Các cơ sở y tế thực hiện việc thanh toán cho nhà thầu theo đúng quy định được nêu trong điều kiện chung, điều kiện cụ thể của mẫu hợp đồng và tại mục 3.2 Thỏa thuận khung.

- Trường hợp các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn có nhu cầu sử dụng tăng thêm trên 20% số lượng được phân bổ trong Thỏa thuận khung, các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế có nhu cầu sử dụng tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong Thỏa thuận khung hoặc cơ sở y tế phát sinh nhu cầu sử dụng nhưng chưa được phân bổ trong Thỏa thuận khung do chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch, việc mua tăng thêm số lượng thuốc và trách nhiệm của các cơ sở y tế thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/QĐ-TTMM ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3).

- Đối với các Hợp đồng đang thực hiện hoặc các gói thầu đã phát hành Hồ sơ mời thầu trước thời điểm công bố kết quả của các thuốc biệt dược gốc đã trúng thầu theo hình thức đàm phán giá năm 2021, cơ sở y tế phải thực hiện điều chỉnh giá thuốc không vượt mức giá đàm phán đã công bố, thời điểm áp dụng theo thời điểm thỏa thuận khung có hiệu lực theo quy định tại Khoản 3 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Cơ sở y tế không lỗ chức lựa chọn nhà thầu cùng cấp các thuốc biệt dược gốc nếu lại thời điểm phát hành Hồ sơ mời thầu đã có kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức đàm phán giá và Thỏa thuận khung được công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc lại các cơ sở y tế công lập.

- Các văn bản liên quan đến điều kiện số lượng các thuốc trúng thầu là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận khung này. Các điều khoản khác trong Thỏa thuận khung không thay đổi và có giá trị áp dụng đối với các bên.

- Các văn bản thay thế thuốc trúng thầu trong quá trình thực hiện thỏa thuận khung do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành là một bộ phận

không tách rời của Thỏa thuận khung này. Các điều khoản khác trong Thỏa thuận khung không thay đổi và vẫn có giá trị áp dụng đối với các bên.

8. Trách nhiệm của các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/Y tế các bộ ngành:

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và Thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý theo Phụ lục 2 của Thỏa thuận khung.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.
- Trước ngày 15 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đợt xuất theo yêu cầu, Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/Sở Y tế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc trúng thầu của các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn tại địa chỉ www.lims.moh.gov.vn theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành.

- Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tại các cơ sở y tế địa phương/cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành trên địa bàn với Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia để giải quyết.

- Phối hợp với Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia trong việc điều tiết thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu của các cơ sở y tế để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung theo đúng quy định tại khoản 13, Điều 40 và khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế và Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và Danh mục Đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành.

- Thực hiện việc điều tiết đối với trường hợp cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn có nhu cầu sử dụng thuốc vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung nhưng bảo đảm không vượt quá 20% tổng số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung cho các đơn vị thuộc phạm vi cung cấp tại địa phương theo các bước hướng dẫn và quy định tại Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị tổng hợp nhu cầu và được phân bổ trong Thỏa thuận khung.

- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn vượt quá khả năng điều tiết của Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương hoặc cơ sở y tế phát sinh nhu cầu sử dụng mặt hàng thuốc nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/Sở Y tế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm xem xét số lượng phát sinh nhu cầu của cơ sở y tế và có ý kiến bằng văn bản gửi Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia để điều tiết số lượng thuốc giữa các đơn vị theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành.

9. Trách nhiệm của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia:

- Trung tâm công khai Thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và thông báo bằng văn bản đến Sở Y tế các tỉnh, thành phố/Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/Y tế các Bộ, ngành và cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.

- Phối hợp với Nhà thầu và các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành, các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc tại các cơ sở y tế (nếu có).

- Giám sát, quản lý hình thức cung ứng thuốc của Nhà thầu để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời và đúng tiến độ theo quy định tại Thỏa thuận khung.

- Trách nhiệm lòng hợp báo cáo và điều tiết không vượt quá 30% tổng số lượng đã được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 13 Điều 40 và khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế và thực hiện theo quy trình tại Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

- Hàng Quý, Trung tâm có công văn tổng hợp tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu đến các cơ sở y tế và đôn đốc các cơ sở y tế thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu để đảm bảo số lượng sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế.

- Xử lý vi phạm của Nhà thầu theo quy định đồng thời thông báo cho các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành, các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế tương trường hợp Nhà thầu không có khả năng cung cấp thuốc cho cơ sở y tế.

10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện Thỏa thuận khung:

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với Nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: Kể từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 11/01/2025.

11. Xử phạt do vi phạm:

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Tờp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Đông

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Dũng

PHỤ LỤC I: DANH MỤC TỔNG HỢP THUỐC TRÚNG THẦU CUNG CẤP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 02 /2023/TTK-DPG ký ngày 09 /01 /2023 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội)

Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021
(Mã hiệu: DPG.BDG.04.2021)

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)
1	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	QLSP-1034-17	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	24	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml (kèm theo 15 kim)	Novo Nordisk Production S.A.S, Pháp	Bút tiêm	200.508	2.218.049	444.736.568.892
TỔNG CỘNG: 01 khoản (Bằng chữ Bốn trăm bốn mươi bốn tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng)													444.736.568.892



PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CÔNG CẤP THUỐC CHỈ TIẾT CHO TỔNG CỞ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thông tư hướng dẫn số 02/2023/TTK-ĐPCT ký ngày 09/01/2023 giữa Trung tâm Thuốc dân tộc Việt Nam và Công ty Cổ phần Dược phẩm Thái Bình)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSVT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mức
Cột thứ 4: Công cấp thuốc được gói theo Insulin và chất bổ sung, thuốc dành mục tiêu phân giá năm 2021											
1	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) Unit hỗn dịch insulin của insulin aspart và human insulin ngắn tác dụng, protamine (tổng 0,9%) (tổng lượng đường 3,5 mg)	100 IU/ml	Tút tiêm	300.528	160.000	32.284.324.000	01916	Bệnh viện Nhi Việt Trung Ương	Bộ Y tế	Dược
2	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) Unit hỗn dịch insulin của insulin aspart và human insulin ngắn tác dụng, protamine (tổng 0,9%) (tổng lượng đường 3,5 mg)	100 IU/ml	Tút tiêm	290.528	1.800	1.584.000.000	01923	Bệnh viện Lão Khoa Trung Ương	Bộ Y tế	Dược
3	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) Unit hỗn dịch insulin của insulin aspart và human insulin ngắn tác dụng, protamine (tổng 0,9%) (tổng lượng đường 3,5 mg)	100 IU/ml	Tút tiêm	200.508	11.000	2.205.588.000	01938	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Dược
4	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) Unit hỗn dịch insulin của insulin aspart và human insulin ngắn tác dụng, protamine (tổng 0,9%) (tổng lượng đường 3,5 mg)	100 IU/ml	Tút tiêm	200.508	3.600	721.828.800	01901	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam	Bộ Y tế	Dược
5	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) Unit hỗn dịch insulin của insulin aspart và human insulin ngắn tác dụng, protamine (tổng 0,9%) (tổng lượng đường 3,5 mg)	100 IU/ml	Tút tiêm	200.508	3.800	761.934.000	01910	Bệnh viện Trung Ương Việt Nam	Bộ Y tế	Dược
6	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) Unit hỗn dịch insulin của insulin aspart và human insulin ngắn tác dụng, protamine (tổng 0,9%) (tổng lượng đường 3,5 mg)	100 IU/ml	Tút tiêm	200.508	2.400	481.014.000	01947	Bệnh viện YHCT Việt Nam	Bộ Y tế	Dược
7	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) Unit hỗn dịch insulin của insulin aspart và human insulin ngắn tác dụng, protamine (tổng 0,9%) (tổng lượng đường 3,5 mg)	100 IU/ml	Tút tiêm	200.508	2.000	401.014.000	01915	Bệnh viện Nhi Trung Ương	Bộ Y tế	Dược
8	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) Unit hỗn dịch insulin của insulin aspart và human insulin ngắn tác dụng, protamine (tổng 0,9%) (tổng lượng đường 3,5 mg)	100 IU/ml	Tút tiêm	200.508	1.600	320.812.800	01958	Bệnh viện Đại học Y Dược Việt Nam	Bộ Y tế	Dược

S.T.T	Tên thuốc	Tha học chất	Nồng độ hàm lượng	Đơn vị tính	Thời giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mô tả
9	NovoVax 30 Fluorua	Insulin aspart biphasic (ICINA) 1ml hỗn dịch chứa 100 U của insulin aspart hòa với protamine aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100 U/1ml	Bạt đơn	250.508	1.200	240.609.600	01534	Bệnh viện Phụ khoa Y H. NG	Bộ Y tế	Đã
10	NovoVax 30 Fexen	Insulin aspart biphasic (ICINA) 1ml hỗn dịch chứa 100 U của insulin aspart hòa với protamine aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100 U/1ml	Bạt đơn	200.508	1.200	240.609.600	01964	Bệnh viện Phụ khoa Y H. NG	Bộ Y tế	Đã
11	NovoVax 30 Thiodar	Insulin aspart biphasic (ICINA) 1ml hỗn dịch chứa 100 U của insulin aspart hòa với protamine aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100 U/1ml	Bạt đơn	200.508	300	60.152.400	01007	Bệnh viện E	Bộ Y tế	Đã
12	NovoVax 30 Fexen	Insulin aspart biphasic (ICINA) 1ml hỗn dịch chứa 100 U của insulin aspart hòa với protamine aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100 U/1ml	Bạt đơn	200.508	200	40.101.600	01143	Vệện Y cấp II tỉnh Y tế Nam	Bộ Y tế	Đã
13	NovoVax 30 Flexfen	Insulin aspart biphasic (ICINA) 1ml hỗn dịch chứa 100 U của insulin aspart hòa với protamine aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100 U/1ml	Bạt đơn	200.508	150	30.076.200	01920	Vệện Phụ khoa - Trung tâm Y tế	Bộ Y tế	Đã
14	NovoVax 30 Flexfen	Insulin aspart biphasic (ICINA) 1ml hỗn dịch chứa 100 U của insulin aspart hòa với protamine aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100 U/1ml	Bạt đơn	200.508	3.420	765.910.560	19013	Bệnh viện C	Bộ Y tế	Đã
15	NovoVax 30 Fexen	Insulin aspart biphasic (ICINA) 1ml hỗn dịch chứa 100 U của insulin aspart hòa với protamine aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100 U/1ml	Bạt đơn	200.508	2.210	442.621.600	19014	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Bộ Y tế	Đã
16	NovoVax 30 Flexfen	Insulin aspart biphasic (ICINA) 1ml hỗn dịch chứa 100 U của insulin aspart hòa với protamine aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100 U/1ml	Bạt đơn	200.508	2.050	409.045.600	19015	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Bộ Y tế	Đã
17	NovoVax 30 Flexfen	Insulin aspart biphasic (ICINA) 1ml hỗn dịch chứa 100 U của insulin aspart hòa với protamine aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100 U/1ml	Bạt đơn	200.508	2.000	401.016.000	19001	Tổng đài y tế bệnh viện Y H. NG	Bộ Y tế	Đã

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSV.T	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Hiện
15	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (C/DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Đơn tiêm	200.508	1.330	266.675.640	10014	Tỉnh viện Công Độc Lập Nguyễn Nguyễn	Đơn vị KISTTPP Thái Nguyễn	Độc
19	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (C/DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Đơn tiêm	200.508	1.320	264.670.560	10012	Bệnh viện A Thái Nguyễn	Đơn vị MS.TLTP Thái Nguyễn	Độc
20	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (C/DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Đơn tiêm	200.508	890	177.256.372	10033	Bệnh viện Đa Khoa Y tế Phúc Lâm Nguyễn	Đơn vị KISTTPP Thái Nguyễn	Độc
21	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (C/DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Đơn tiêm	200.508	1.000	200.508.000	24011	Bệnh viện Đa Khoa Phúc Lâm Quảng	Sở Y Tế Phúc Lâm	Độc
24	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (C/DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Đơn tiêm	200.508	459	172.226.272	24007	Tương Đẩu Y tế Quận Cầu Lộ	Sở Y Tế Thái Bình	Độc
25	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (C/DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Đơn tiêm	200.508	400	80.203.200	24005	Tương Đẩu Y tế Quận Tân Yên	Sở Y Tế Tân Yên	Độc
26	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (C/DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Đơn tiêm	200.508	252	50.627.000	24009	Tương Đẩu Y tế Quận Vĩnh Yên	Sở Y Tế Phúc Lâm	Độc
28	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (C/DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Đơn tiêm	200.508	874	175.015.864	06761	Bệnh viện Đa Khoa	Sở Y Tế Bắc Kạn	Độc
29	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (C/DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Đơn tiêm	200.508	1.600	320.812.800	24016	Bệnh viện Quân y 110	Sở Y Tế Bắc Ninh	Độc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị định	Tham giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GSTR	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mô tả
27	Novobla 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (F30ab) Tinh chất chiết lấy từ insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 200 IU (trong dung dịch 3,5 mg)	100 IU/ml	200 giọt	300.508	1.200	2.106.098.500	27028	Trung tâm Kiểm sốt bệnh từ tính Bắc Ninh	Sở Y tế Bắc Ninh	Đặc
28	Novobla 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (F30ab) Tinh chất chiết lấy từ insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 200 IU (trong dung dịch 3,5 mg)	100 IU/ml	200 giọt	300.508	1.530	2.106.098.500	27127	Trung tâm Y tế huyện Yên Phong	Sở Y tế Tân Ninh	Đặc
29	Novobla 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (F30ab) Tinh chất chiết lấy từ insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 200 IU (trong dung dịch 3,5 mg)	100 IU/ml	200 giọt	300.508	1.000	300.508.000	27112	Trung tâm Y tế huyện Yên Phong	Sở Y tế Lập Minh	Đặc
30	Novobla 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (F30ab) Tinh chất chiết lấy từ insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 200 IU (trong dung dịch 3,5 mg)	100 IU/ml	200 giọt	300.508	640	190.304.000	27001	Trung tâm Y tế huyện Phố Mới Sông	Sở Y tế Bắc Ninh	Đặc
31	Novobla 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (F30ab) Tinh chất chiết lấy từ insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 200 IU (trong dung dịch 3,5 mg)	100 IU/ml	300 giọt	200.508	150	30.076.200	27004	Trung tâm Y tế huyện Phố Mới Sông	Sở Y tế Bắc Ninh	Đặc
32	Novobla 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (F30ab) Tinh chất chiết lấy từ insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 200 IU (trong dung dịch 3,5 mg)	100 IU/ml	Đặc biệt	200.508	10.000	2.005.080.000	24004	Trung tâm Y tế huyện Phố Mới Sông	Sở Y tế Cao Bằng	Đặc
33	Novobla 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (F30ab) Tinh chất chiết lấy từ insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 200 IU (trong dung dịch 3,5 mg)	100 IU/ml	300 giọt	200.508	8.800	1.764.070.400	25001	Bệnh viện Đa Khoa Hải Dương	Sở Y tế Hải Dương	Đặc
34	Novobla 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (F30ab) Tinh chất chiết lấy từ insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 200 IU (trong dung dịch 3,5 mg)	100 IU/ml	Đặc biệt	200.508	16.000	3.208.176.000	01919	Bệnh viện Từ H Hải Dương	Sở Y tế Hải Dương	Đặc
35	Novobla 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (F30ab) Tinh chất chiết lấy từ insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 200 IU (trong dung dịch 3,5 mg)	100 IU/ml	Đặc biệt	300.508	11.000	3.305.588.000	01006	Bệnh viện Từ H Hải Dương	Sở Y tế Hải Dương	Đặc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSVT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Nhân
45	Novoblox 30 Fluorfen	Insulin aspart biphasic (GZNA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Jar lít	290.508	2.000	620.016.000	07821	Định viện do Khoa Sơu 129	Sở Y Tế Hà Nội	Bác
46	Novoblox 30 Fluorfen	Insulin aspart biphasic (GZNA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	2.000	601.016.000	01016	Định viện (Quản lý 103)	Sở Y Tế Hà Nội	Đặc
47	Novoblox 30 Fluorfen	Insulin aspart biphasic (GZNA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	1.530	310.780.400	01030	Định viện do Khoa Hô Hấp	Sở Y Tế Hà Nội	Bác
48	Novoblox 30 Fluorfen	Insulin aspart biphasic (GZNA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	1.500	264.870.500	01015	Định viện Quận Y 534	Sở Y Tế Hà Nội	Bác
49	Novoblox 30 Fluorfen	Insulin aspart biphasic (GZNA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	1.250	260.520.000	01821	Định viện do Khoa Huyết Thái Nguyên	Sở Y Tế Hà Nội	Đặc
50	Novoblox 30 Fluorfen	Insulin aspart biphasic (GZNA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	1.400	220.520.800	01082	Định viện Y 507 ở Trung Ương Công an	Sở Y Tế Hà Nội	Đặc
51	Novoblox 30 Fluorfen	Insulin aspart biphasic (GZNA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	1.400	200.520.000	01824	Định viện do Khoa Sơu 129	Sở Y Tế Hà Nội	Đặc
52	Novoblox 30 Fluorfen	Insulin aspart biphasic (GZNA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	700	138.490.100	01065	Hệ thống DVC Mỹ	Sở Y Tế Hà Nội	Đặc
53	Novoblox 30 Fluorfen	Insulin aspart biphasic (GZNA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	700	146.361.000	01065	Định viện Sơu 129	Sở Y Tế Hà Nội	Đặc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSVT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Biên
54	Novartis 30 PlusPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan và 10U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bát lian	200.508	220	394.365.360	01978	Viện Y học Phòng Khám - Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Hải
55	Novartis 30 PlusPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan và 10U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bát lian	200.508	400	120.251.800	01978	Bệnh viện Đa khoa Huyện Châu Giang	Sở Y Tế Hà Nội	Hải
56	Novartis 30 PlusPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan và 10U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bát lian	200.508	500	100.254.000	01978	Bệnh viện Đa khoa Huyện Chương Mỹ	Sở Y Tế Lâm Định	Hải
57	Novartis 30 PlusPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan và 10U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bát lian	200.508	200	60.132.400	01978	Bệnh viện Đa khoa Huyện Thuận Tân	Sở Y Tế Hà Nội	Hải
58	Novartis 30 PlusPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan và 10U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bát lian	200.508	240	48.121.920	01978	Bệnh viện Nhân Thọ Long	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
59	Novartis 30 PlusPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan và 10U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bát lian	200.508	4.400	882.235.200	00001	Bệnh viện Phụ Nữ - Khoa Khám Trị Phụ Khoa	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Đức
60	Novartis 30 PlusPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan và 10U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bát lian	200.508	3.600	501.529.000	00003	Bệnh viện Đa Khoa Huyện Thuận Thành	Sở Y Tế Hà Nội	Hải
61	Novartis 30 PlusPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan và 10U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bát lian	200.508	2.010	403.022.600	00008	Bệnh viện Phụ Nữ - Khoa Khám Trị Phụ Khoa	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Hải
62	Novartis 30 PlusPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan và 10U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bát lian	200.508	6.240	1.251.166.900	10000	Bệnh viện Đa Khoa Huyện Thuận Thành	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Hải

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSCT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Viện
63	NovoMix 30 F-flexin	Insulin aspart biphasic (NDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart 1h và 50IU của insulin aspart 30h với protamine theo tỷ lệ 50/50 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột bột	200.508	2.200	441.117.600	17014	Đơn bào vệ cận sát sức khỏe của xã	Sở Y Tế Đà Nẵng	Độc
64	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart 1h và 50IU của insulin aspart 30h với protamine theo tỷ lệ 50/50 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột bột	200.508	504	101.056.032	17029	Trung tâm y tế huyện Hòa Bắc	Sở Y Tế Hòa Bình	Bột
65	NovoMix 30 flexpen	Insulin aspart biphasic (NDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart 1h và 50IU của insulin aspart 30h với protamine theo tỷ lệ 50/50 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Đợt bột	200.508	2.500	501.270.000	17080	Trung tâm y tế huyện Yên Bái	Sở Y Tế Tuyên Yên	Đợt
66	NovoMix 30 F-flexin	Insulin aspart biphasic (NDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart 1h và 50IU của insulin aspart 30h với protamine theo tỷ lệ 50/50 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột bột	200.508	1.800	360.914.400	17013	Trung tâm bảo vệ sức khỏe cho các bộ tỉnh Thanh Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bột
67	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart 1h và 50IU của insulin aspart 30h với protamine theo tỷ lệ 50/50 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột bột	200.508	1.200	240.609.600	17013	Hệ thống dự trữ thuốc	Sở Y Tế Hưng Yên	Bột
68	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart 1h và 50IU của insulin aspart 30h với protamine theo tỷ lệ 50/50 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột bột	200.508	13.400	2.686.808.800	17022	Trung tâm y tế huyện Xuân Tường	Sở Y Tế Ninh Bình	Túi
69	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart 1h và 50IU của insulin aspart 30h với protamine theo tỷ lệ 50/50 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột bột	200.508	9.000	1.804.572.000	17025	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	Sở Y Tế Nam Định	Túi
70	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart 1h và 50IU của insulin aspart 30h với protamine theo tỷ lệ 50/50 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột bột	200.508	4.200	842.133.600	17047	Phòng vận chuyển	Sở Y Tế Sơn Định	Bột
71	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart 1h và 50IU của insulin aspart 30h với protamine theo tỷ lệ 50/50 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột bột	200.508	3.200	641.625.600	17016	Trung tâm y tế huyện Nam Trực	Sở Y Tế Ninh Bình	Bột

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhiều độ, khu vực	Đơn vị tính	Đơn vị (VNĐ)	Số lượng	Thành phần (VNĐ)	Mã CNYT	Đơn vị sử dụng	Đơn vị quản lý	Mô tả
73	Novartis 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (FOSPHEN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng lượng 3,5 mg)	100IU/ml	Becol	200.508	2.013	400.502.604	56417	Bệnh viện đa khoa huyện Hòa Bình	Sở Y tế Huyện Hòa Bình	Tác
75	Novartis 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (FOSPHEN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng lượng 3,5 mg)	100IU/ml	Đinh Hòa	200.508	1.305	250.160.500	16091	Bệnh viện Đa khoa huyện Ninh Bình	Sở Y tế Ninh Bình	Hỗ
74	Novartis 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (FOSPHEN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng lượng 3,5 mg)	100IU/ml	Bác Sĩ	200.508	800	160.506.400	56411	Trung tâm Y tế huyện Yên Bái	Sở Y tế Yên Bái	Qua
75	Novartis 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (FOSPHEN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng lượng 3,5 mg)	100IU/ml	Bác Sĩ	200.508	340	44.121.800	56410	Trung tâm Y tế huyện Yên Bái	Sở Y tế Yên Bái	Bác
76	Novartis 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (FOSPHEN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng lượng 3,5 mg)	100IU/ml	Đinh Hòa	200.508	920	144.303.700	27401	Trung tâm Y tế huyện Ninh Bình	Sở Y tế Ninh Bình	Bác
77	Novartis 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (FOSPHEN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng lượng 3,5 mg)	100IU/ml	Đinh Hòa	200.508	620	20.504.800	37101	Bệnh viện Đa khoa huyện Ninh Bình	Sở Y tế Ninh Bình	Bác
78	Novartis 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (FOSPHEN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng lượng 3,5 mg)	100IU/ml	Bác Sĩ	200.508	300	120.254.000	25001	Bệnh viện Đa khoa huyện Ninh Bình	Sở Y tế Ninh Bình	Bác
79	Novartis 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (FOSPHEN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng lượng 3,5 mg)	100IU/ml	Đinh Hòa	200.508	380	72.182.800	25029	Bệnh viện Đa khoa huyện Ninh Bình	Sở Y tế Ninh Bình	Bác
80	Novartis 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (FOSPHEN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng lượng 3,5 mg)	100IU/ml	Bác Sĩ	200.508	800	120.304.800	27002	Bệnh viện Đa khoa huyện Ninh Bình	Sở Y tế Ninh Bình	Bác

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhượng độ, tương đương	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã 429VT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mã
81	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin lispro với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dose đơn	200.508	250	50.127.000	22150	Bệnh viện Sản, Nhi Khoa Quảng Ninh	Sở Y tế Quảng Ninh	Bác
82	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin lispro với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dose đơn	206.508	3.820	785.840.500	14001	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	Sở Y tế Sơn La	Đặc
83	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin lispro với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dose đơn	200.508	8.120	1.628.134.960	36234	Khoảng viên Đa Khoa huyện Kiên Xuân	Sở Y tế Tỉnh Bình	Bác
84	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin lispro với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dose đơn	200.508	2.400	481.219.200	24312	Bệnh viện Đa Khoa huyện Thuận Thành	Sở Y tế Tỉnh Bình	Đặc
85	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin lispro với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dose đơn	200.508	5.013	1.013.022.054	24205	Bệnh viện Đa Khoa huyện Thuận Thành	Sở Y tế Tỉnh Bình	Đặc
86	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin lispro với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dose đơn	200.508	240	48.121.920	24314	Bệnh viện Đa Khoa huyện Thuận Thành	Sở Y tế Tỉnh Bình	Đặc
87	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin lispro với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dose đơn	206.508	3.900	795.281.200	10001	Bệnh viện Đa Khoa huyện Thuận Thành	Sở Y tế Tỉnh Bình	Đặc
88	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin lispro với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dose đơn	200.508	1.900	380.964.960	10235	Bệnh viện Đa Khoa huyện Thuận Thành	Sở Y tế Tỉnh Bình	Đặc
89	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin lispro với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dose đơn	200.508	2.300	461.019.000	00101	Bệnh viện Đa Khoa huyện Thuận Thành	Sở Y tế Tỉnh Bình	Đặc

STT	Tên lài số	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Giá trị lài (VNĐ)	Mô lượng	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Viện
90	Novartis 30 Fluxion	Imazalip aspart biphenyl (0,0001% hàm lượng chất 100% chất hoạt = aspart biphenyl biphenyl aspart biphenyl với propanolol theo tỷ lệ 3:100 (trong dung dịch 1:5 mg)	1000g/1ml	Bắt đầu	200.508	4.000	802.032.000	26.001	Định viên đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Rút
91	Novartis 30 Fluxion	Imazalip aspart biphenyl (0,0001% hàm lượng chất 100% chất hoạt = aspart biphenyl biphenyl aspart biphenyl với propanolol theo tỷ lệ 3:100 (trong dung dịch 1:5 mg)	1000g/1ml	Bắt đầu	200.508	4.000	802.032.000	26.000	Định viên đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Uống
92	Novartis 30 Fluxion	Imazalip aspart biphenyl (0,0001% hàm lượng chất 100% chất hoạt = aspart biphenyl biphenyl aspart biphenyl với propanolol theo tỷ lệ 3:100 (trong dung dịch 1:5 mg)	1000g/1ml	Bắt đầu	200.508	1.600	326.813.000	13.001	Định viên đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Trẻ
93	Novartis 30 Fluxion	Imazalip aspart biphenyl (0,0001% hàm lượng chất 100% chất hoạt = aspart biphenyl biphenyl aspart biphenyl với propanolol theo tỷ lệ 3:100 (trong dung dịch 1:5 mg)	1000g/1ml	Bắt đầu	200.508	22.500	4.511.442.000	21.150	Định viên đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Uống
94	Novartis 30 Fluxion	Imazalip aspart biphenyl (0,0001% hàm lượng chất 100% chất hoạt = aspart biphenyl biphenyl aspart biphenyl với propanolol theo tỷ lệ 3:100 (trong dung dịch 1:5 mg)	1000g/1ml	Bắt đầu	200.508	8.000	1.604.032.000	21.000	Định viên đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Uống
95	Novartis 30 Fluxion	Imazalip aspart biphenyl (0,0001% hàm lượng chất 100% chất hoạt = aspart biphenyl biphenyl aspart biphenyl với propanolol theo tỷ lệ 3:100 (trong dung dịch 1:5 mg)	1000g/1ml	Bắt đầu	200.508	2.400	481.219.200	21.001	Định viên đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Uống
96	Novartis 30 Fluxion	Imazalip aspart biphenyl (0,0001% hàm lượng chất 100% chất hoạt = aspart biphenyl biphenyl aspart biphenyl với propanolol theo tỷ lệ 3:100 (trong dung dịch 1:5 mg)	1000g/1ml	Bắt đầu	200.508	1.500	300.762.000	21.000	Định viên đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Uống
97	Novartis 30 Fluxion	Imazalip aspart biphenyl (0,0001% hàm lượng chất 100% chất hoạt = aspart biphenyl biphenyl aspart biphenyl với propanolol theo tỷ lệ 3:100 (trong dung dịch 1:5 mg)	1000g/1ml	Bắt đầu	200.508	600	120.304.800	21.001	Định viên đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Uống
98	Novartis 30 Fluxion	Imazalip aspart biphenyl (0,0001% hàm lượng chất 100% chất hoạt = aspart biphenyl biphenyl aspart biphenyl với propanolol theo tỷ lệ 3:100 (trong dung dịch 1:5 mg)	1000g/1ml	Bắt đầu	200.508	23.000	4.618.692.000	21.001	Định viên đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Uống

STT	Tên thuốc	Thu hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSVT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mô tả
99	Novobin 30 Flucan	Isotrianolol aspect biobasic (C ₂₁ H ₂₅ N ₃ O ₄) 1ml hỗn dịch chứa 1000 µg isotrianolol aspect biobasic với probenide theo tỷ lệ 30/70 (lượng đương 3,5 mg)	1000 µg/1ml	Bịch 100ml	200.500	9.000	1.804.500.000	44005	Bệnh viện LƯU Thị Văn Năm - Chi Bộ Đường Lữ Quảng Bình	Sở Y tế	Trung
100	Novobin 30 Flucan	Isotrianolol aspect biobasic (C ₂₁ H ₂₅ N ₃ O ₄) 1ml hỗn dịch chứa 1000 µg isotrianolol aspect biobasic với probenide theo tỷ lệ 30/70 (lượng đương 3,5 mg)	1000 µg/1ml	Bịch 100ml	200.500	8.000	1.604.000.000	49313	Bệnh viện Cơ sở 2 Trang Trung Quảng Nam	Sở Y tế	Trung
101	Novobin 30 Flucan	Isotrianolol aspect biobasic (C ₂₁ H ₂₅ N ₃ O ₄) 1ml hỗn dịch chứa 1000 µg isotrianolol aspect biobasic với probenide theo tỷ lệ 30/70 (lượng đương 3,5 mg)	1000 µg/1ml	Bịch 100ml	200.500	5.000	1.002.500.000	48002	Tên gọi của đơn vị	Sở Y tế	Trung
102	Novobin 30 Flucan	Isotrianolol aspect biobasic (C ₂₁ H ₂₅ N ₃ O ₄) 1ml hỗn dịch chứa 1000 µg isotrianolol aspect biobasic với probenide theo tỷ lệ 30/70 (lượng đương 3,5 mg)	1000 µg/1ml	Bịch 100ml	200.500	3.000	601.500.000	55001	Bệnh viện Cơ sở 1	Sở Y tế	Trung
103	Novobin 30 Flucan	Isotrianolol aspect biobasic (C ₂₁ H ₂₅ N ₃ O ₄) 1ml hỗn dịch chứa 1000 µg isotrianolol aspect biobasic với probenide theo tỷ lệ 30/70 (lượng đương 3,5 mg)	1000 µg/1ml	Bịch 100ml	200.500	2.000	401.000.000	55002	Tên gọi của đơn vị	Sở Y tế	Trung
104	Novobin 30 Flucan	Isotrianolol aspect biobasic (C ₂₁ H ₂₅ N ₃ O ₄) 1ml hỗn dịch chứa 1000 µg isotrianolol aspect biobasic với probenide theo tỷ lệ 30/70 (lượng đương 3,5 mg)	1000 µg/1ml	Bịch 100ml	200.500	30	6.015.000	55013	Tên gọi của đơn vị	Sở Y tế	Trung
105	Novobin 30 Flucan	Isotrianolol aspect biobasic (C ₂₁ H ₂₅ N ₃ O ₄) 1ml hỗn dịch chứa 1000 µg isotrianolol aspect biobasic với probenide theo tỷ lệ 30/70 (lượng đương 3,5 mg)	1000 µg/1ml	Bịch 100ml	200.500	2.000	401.000.000	55001	Tên gọi của đơn vị	Sở Y tế	Trung
106	Novobin 30 Flucan	Isotrianolol aspect biobasic (C ₂₁ H ₂₅ N ₃ O ₄) 1ml hỗn dịch chứa 1000 µg isotrianolol aspect biobasic với probenide theo tỷ lệ 30/70 (lượng đương 3,5 mg)	1000 µg/1ml	Bịch 100ml	200.500	5.000	1.002.500.000	48005	Tên gọi của đơn vị	Sở Y tế	Trung
107	Novobin 30 Flucan	Isotrianolol aspect biobasic (C ₂₁ H ₂₅ N ₃ O ₄) 1ml hỗn dịch chứa 1000 µg isotrianolol aspect biobasic với probenide theo tỷ lệ 30/70 (lượng đương 3,5 mg)	1000 µg/1ml	Bịch 100ml	200.500	4.000	801.000.000	48003	Tên gọi của đơn vị	Sở Y tế	Trung

SĐT	Tên thuốc	1 box hoạt chất	Phong độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã BHYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mức
108	Novobin 30 Zincin	Insulin aspart biphasic (ICDIN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine 300 IU là 300IU (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt cân	200.508	2.360	551.602.080	40001	Bệnh viện Đà Nẵng	Sở Y tế Đà Nẵng	Trung
109	Novobin 30 Fus-Pan	Insulin aspart biphasic (ICDIN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine 300 IU là 300IU (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Dịch tiêm	200.508	1.176	235.797.408	48206	Bệnh viện Quốc Y 17 - Cục Quản lý Chức năng	Sở Y tế Đà Nẵng	Trung
110	Novobin 30 Hiclen	Insulin aspart biphasic (ICDIN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine 300 IU là 300IU (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt cân	200.508	500	112.254.000	48003	Tổng cục y tế quân Liên Quân	Sở Y tế Đà Nẵng	Trung
111	Novobin 30 Flex-Pan	Insulin aspart biphasic (ICDIN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine 300 IU là 300IU (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Dịch tiêm	200.508	502	110.654.016	48012	Bệnh viện Đà Nẵng Hội Nam Việt Châu	Sở Y tế Đà Nẵng	Trung
112	Novobin 30 Flex-Pan	Insulin aspart biphasic (ICDIN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine 300 IU là 300IU (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Dịch tiêm	200.508	7.650	1.543.581.400	69009	Bệnh viện Trung Độc học Tây Bắc	Sở Y tế Đà Nẵng	Trung
113	Novobin 30 Flex-Pan	Insulin aspart biphasic (ICDIN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine 300 IU là 300IU (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt cân	200.508	4.400	882.235.520	69009	Bệnh viện Đà Nẵng Vùng Tây Nguyên	Sở Y tế Đà Nẵng	Trung
114	Novobin 30 Flex-Pan	Insulin aspart biphasic (ICDIN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine 300 IU là 300IU (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Dịch tiêm	200.508	2.400	481.219.200	69004	Trung tâm y tế huyện Kim Sơn	Sở Y tế Đà Nẵng	Trung
115	Novobin 30 Flex-Pan	Insulin aspart biphasic (ICDIN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine 300 IU là 300IU (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Dịch tiêm	200.508	2.400	481.016.000	69220	Trung tâm y tế huyện Kim Sơn	Sở Y tế Đà Nẵng	Trung
116	Novobin 30 Flex-Pan	Insulin aspart biphasic (ICDIN) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine 300 IU là 300IU (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Dịch tiêm	200.508	600	120.304.800	69221	Trung tâm y tế huyện Kim Sơn	Sở Y tế Đà Nẵng	Trung

SIT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ: hầu hoặc	Đơn vị bình	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thời hạn (năm)	Mã CNSYT	Đơn vị cấp	Đơn vị quản lý	Chức
117	Novovida 30 Flucan	Amphotericin B liposomal (Liposomal Amphotericin B) 100mg chứa amphotericin B bromide 100mg kết tinh và probenecid 100mg (N 15) 33,33% (lượng hoạt 3,3 mg)	100mg/ml	200 lphm	200.500	400	30.001.900	68004	Bệnh viện Phụ Độc - Công an thị xã Phú Lộc	Sở Y Tế Phước Lộc	Trung
118	Novovida 30 Flucan	Amphotericin B liposomal (Liposomal Amphotericin B) 100mg chứa amphotericin B bromide 100mg kết tinh và probenecid 100mg (N 15) 33,33% (lượng hoạt 3,3 mg)	100mg/ml	200 lphm	200.500	1.400	284.721.500	67014	Trung tâm Y tế huyện Lộc Ninh	Sở Y Tế Bắc Bình	Trung
119	Novovida 30 Flucan	Amphotericin B liposomal (Liposomal Amphotericin B) 100mg chứa amphotericin B bromide 100mg kết tinh và probenecid 100mg (N 15) 33,33% (lượng hoạt 3,3 mg)	100mg/ml	200 lphm	200.500	1.400	28.875.100	67079	Bệnh viện đa khoa thị xã Phước Ninh	Sở Y Tế Phước Ninh	Trung
120	Novovida 30 Flucan	Amphotericin B liposomal (Liposomal Amphotericin B) 100mg chứa amphotericin B bromide 100mg kết tinh và probenecid 100mg (N 15) 33,33% (lượng hoạt 3,3 mg)	100mg/ml	200 lphm	200.500	80	16.040.600	67014	Trung tâm Y tế Huyện Lộc	Sở Y Tế Lộc Ninh	Trung
121	Novovida 30 Flucan	Amphotericin B liposomal (Liposomal Amphotericin B) 100mg chứa amphotericin B bromide 100mg kết tinh và probenecid 100mg (N 15) 33,33% (lượng hoạt 3,3 mg)	100mg/ml	200 lphm	200.500	600	120.300.400	64020	Bệnh viện Quân Y 231	Sở Y Tế Gò Công	Trung
122	Novovida 30 Flucan	Amphotericin B liposomal (Liposomal Amphotericin B) 100mg chứa amphotericin B bromide 100mg kết tinh và probenecid 100mg (N 15) 33,33% (lượng hoạt 3,3 mg)	100mg/ml	200 lphm	200.500	2.300	544.176.720	42012	Bệnh viện đa khoa thị xã Hòa Thành	Sở Y Tế Hố Nai	Trung
123	Novovida 30 Flucan	Amphotericin B liposomal (Liposomal Amphotericin B) 100mg chứa amphotericin B bromide 100mg kết tinh và probenecid 100mg (N 15) 33,33% (lượng hoạt 3,3 mg)	100mg/ml	200 lphm	200.500	2.500	507.376.500	42001	Bệnh viện đa khoa thị xã Phước Hòa	Sở Y Tế Hố Nai	Trung
124	Novovida 30 Flucan	Amphotericin B liposomal (Liposomal Amphotericin B) 100mg chứa amphotericin B bromide 100mg kết tinh và probenecid 100mg (N 15) 33,33% (lượng hoạt 3,3 mg)	100mg/ml	200 lphm	200.500	400	150.400.400	42002	Trung tâm Y tế thị xã Phước Hòa	Sở Y Tế Hố Nai	Trung
125	Novovida 30 Flucan	Amphotericin B liposomal (Liposomal Amphotericin B) 100mg chứa amphotericin B bromide 100mg kết tinh và probenecid 100mg (N 15) 33,33% (lượng hoạt 3,3 mg)	100mg/ml	200 lphm	200.500	400	150.400.400	42004	Bệnh viện đa khoa thị xã Phước Hòa	Sở Y Tế Hố Nai	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hàng xuất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GSVT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Loại
125	Novoblox 30 Flacphen	Insulin aspart biphasic (EDNA) loại hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/Flacphen	Bottle 10ml	200.508	1.200	240.609.600	560.2.57	Bệnh viện quốc gia y tế	Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Trung
127	Novoblox 30 Flacphen	Insulin aspart biphasic (EDNA) loại hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/Flacphen	Bottle 10ml	200.508	800	160.406.400	560.2.57	Bệnh viện Đa Khoa Sư Corto Nhon Trung	Sở Y tế Khánh Hòa	Trung
128	Novoblox 30 Flacphen	Insulin aspart biphasic (EDNA) loại hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/Flacphen	Bottle 10ml	200.508	570	114.289.560	560.2.57	Bệnh viện Đa Khoa Sư Corto Nhon Trung	Sở Y tế Khánh Hòa	Trung
129	Novoblox 30 Flacphen	Insulin aspart biphasic (EDNA) loại hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/Flacphen	Bottle 10ml	200.508	380	76.443.040	62.7.27	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Nghệ An	Sở Y tế Nghệ An	Trung
130	Novoblox 30 Flacphen	Insulin aspart biphasic (EDNA) loại hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/Flacphen	Bottle 10ml	200.508	300	159.405.400	62.7.27	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Nghệ An	Sở Y tế Nghệ An	Trung
131	Novoblox 30 Flacphen	Insulin aspart biphasic (EDNA) loại hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/Flacphen	Bottle 10ml	200.508	388	77.997.840	62.7.27	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Nghệ An	Sở Y tế Nghệ An	Trung
132	Novoblox 30 Flacphen	Insulin aspart biphasic (EDNA) loại hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/Flacphen	Bottle 10ml	200.508	30.400	6.095.443.200	62.7.27	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Nghệ An	Sở Y tế Nghệ An	Trung
133	Novoblox 30 Flacphen	Insulin aspart biphasic (EDNA) loại hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/Flacphen	Bottle 10ml	200.508	20.290	4.091.351.320	62.7.27	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Nghệ An	Sở Y tế Nghệ An	Trung
134	Novoblox 30 Flacphen	Insulin aspart biphasic (EDNA) loại hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/Flacphen	Bottle 10ml	200.508	2.000	401.016.000	62.7.27	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Nghệ An	Sở Y tế Nghệ An	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hà nguyên	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CST	Đơn vị cấp phép	Đơn vị quản lý	Hiện
132	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	330.528	2.000	661.056.000	04380	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
133	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	260.508	1.700	242.863.600	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
134	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.504	1.100	220.554.400	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
135	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
136	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
137	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
138	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
139	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
140	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
141	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
142	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung
143	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (NPH) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart và 30IU của insulin aspart kết hợp protamine theo tỷ lệ 3:1 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	04370	Trung tâm y tế huyện Từ Liêm	Sở y tế Hà Nội	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, nồng lượng	Đơn vị đo	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mức
14	Novobis 30 FlucPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 100 đơn vị/ml 100U với insulin aspart 30% insulin với kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/100ml	Bottle	200.508	4.000	802.032.000	40073	Bệnh viện đa khoa Quảng Lâm (Công ty TNHH Y dược Hoàng Việt)	Sở Y tế Nghệ An	Trung
145	Novobis 30 FlucPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 100 đơn vị/ml 100U với insulin aspart 30% insulin với kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Box 10ml	200.508	3.000	601.524.000	40001	Bệnh viện Hữu Nghị An Khoa Nội Sản	Sở Y tế Nghệ An	Trung
146	Novobis 30 FlucPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 100 đơn vị/ml 100U với insulin aspart 30% insulin với kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Box 10ml	200.508	3.000	601.524.000	40006	Bệnh viện Đa Khoa Huyện Thanh Chương	Sở Y tế Nghệ An	Trung
147	Novobis 30 FlucPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 100 đơn vị/ml 100U với insulin aspart 30% insulin với kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Box 10ml	300.508	2.400	720.240.000	40019	Bệnh viện Đa Khoa Thị trấn Phố Vinh	Sở Y tế Nghệ An	Trung
148	Novobis 30 FlucPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 100 đơn vị/ml 100U với insulin aspart 30% insulin với kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Box 10ml	200.508	1.500	300.762.000	40010	Trung tâm y tế Huyện Anh Sơn	Sở Y tế Nghệ An	Trung
149	Novobis 30 FlucPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 100 đơn vị/ml 100U với insulin aspart 30% insulin với kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Box 10ml	200.508	4.000	802.032.000	40006	Bệnh viện Đa Khoa Đ. Chu Đậu (Chợ Đông Sơn)	Sở Y tế Nghệ An	Trung
150	Novobis 30 FlucPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 100 đơn vị/ml 100U với insulin aspart 30% insulin với kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Box 10ml	200.508	500	100.254.000	40000	Trung tâm y tế Thị Xã Cầu Lộ	Sở Y tế Nghệ An	Trung
151	Novobis 30 FlucPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 100 đơn vị/ml 100U với insulin aspart 30% insulin với kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Box 10ml	200.508	200	40.101.600	40007	Bệnh viện Phụ Sản và Da liễu Vinh	Sở Y tế Nghệ An	Trung
152	Novobis 30 FlucPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 100 đơn vị/ml 100U với insulin aspart 30% insulin với kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Box 10ml	300.508	3.000	901.524.000	55001	Bệnh viện Đa Khoa Thuận	Sở Y tế Nghệ An	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Dạng chế phẩm	Dạng vi tinh	Dạng gói (VNĐ)	Mô lượng	Giá bán lẻ (VNĐ)	Mã GSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mức
152	Novoslin 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDNV) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart tác bệnh nhân aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Dịch lỏng	200,508	1,520	302,752,508	54241	Định viên do Khoa Định chế Dược tinh	Sở Y Tế Quảng Ngũ	Trung
153	Novoslin 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDNV) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart tác bệnh nhân aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột mịn	200,508	2,200	421,016,000	49004	Định viên do Khoa Khoa Khoa Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
154	Novoslin 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDNV) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart tác bệnh nhân aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột mịn	200,508	1,270	384,075,360	49175	Định viên do Khoa Tâm Bình Dược - Tâm Xã - Dược Lâm Y Khoa Bệnh Dược	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
157	Novoslin 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDNV) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart tác bệnh nhân aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột mịn	200,508	1,060	220,812,800	49105	Định viên do Khoa Khoa Khoa Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
158	Novoslin 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDNV) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart tác bệnh nhân aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột mịn	200,508	40	8,032,320	49009	Định viên do Khoa Định Dược Định	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
159	Novoslin 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDNV) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart tác bệnh nhân aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột mịn	200,508	1,120	220,524,200	51062	Định viên do Khoa Định Dược Định	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
160	Novoslin 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDNV) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart tác bệnh nhân aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột mịn	200,508	1,500	300,008,000	51214	Định viên do Khoa Định Dược Định	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
161	Novoslin 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDNV) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart tác bệnh nhân aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tổng đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bột mịn	200,508	300	100,457,000	51010	Định viên do Khoa Định Dược Định	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GSYT	Đơn vị cấp trả	Đơn vị thanh lý	Mô tả
162	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDSNA) 1ml hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	700	140.355.605	31001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
163	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDSNA) 1ml hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	840	168.427.040	45012	Phòng Quản lý sát khuẩn tại bộ	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung
164	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDSNA) 1ml hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	16.000	3.208.132.800	38001	Bệnh viện nội (b) Tỉnh Bắc	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
165	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDSNA) 1ml hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	8.500	1.704.316.000	38080	Bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Bắc	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
166	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDSNA) 1ml hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	4.000	802.032.000	45010	Bệnh viện Đa Khoa huyện Thuận Đức	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
167	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDSNA) 1ml hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	1.200	240.609.600	38010	Bệnh viện Đa Khoa thành phố Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
168	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDSNA) 1ml hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	2.952	592.979.500	38089	Bệnh viện Đa Khoa Huyện Bắc Sơn	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
169	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDSNA) 1ml hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	2.000	401.016.000	38060	Bệnh viện Đa Khoa huyện Nông Cống	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
170	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDSNA) 1ml hỗn hợp chứa 100U của insulin aspart hòa tan và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	1.900	380.966.400	38070	Bệnh viện Đa Khoa huyện Như Xuân	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ mẫu trong	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	nhân
171	Novobiot 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDRA) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	1.600	320.812.800	36219	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Lỗ	Sở Y Tế Thị xã Hòa	Trung
172	Novobiot 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDRA) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	1.200	240.609.600	36220	Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Sơn	Sở Y Tế Thị xã Hòa	Trung
173	Novobiot 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDRA) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	1.140	228.609.500	36220	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Tường	Sở Y Tế Thị xã Hòa	Trung
174	Novobiot 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDRA) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	1.000	200.508.000	36220	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Tường	Sở Y Tế Thị xã Hòa	Trung
175	Novobiot 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDRA) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	960	192.487.680	36220	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Tường	Sở Y Tế Thị xã Hòa	Trung
176	Novobiot 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDRA) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	900	180.457.200	36220	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Tường	Sở Y Tế Thị xã Hòa	Trung
177	Novobiot 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDRA) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	800	160.406.400	36220	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Tường	Sở Y Tế Thị xã Hòa	Trung
178	Novobiot 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDRA) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	800	160.406.400	36220	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Tường	Sở Y Tế Thị xã Hòa	Trung
179	Novobiot 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDRA) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bottle	200.508	800	160.406.400	36220	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Tường	Sở Y Tế Thị xã Hòa	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhiều A/R sản lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GSYT	Đơn vị cấp trả	Đơn vị quản lý	Hiện
180	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Berlino	200.508	486	96.203.400	34146	Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Linh	Sở Y Tế Thị xã Hồ	Trung
181	Novartis 50 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Berlino	220.504	276	53.140.208	34142	Bệnh viện Công An Thuận Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
182	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Berlino	200.508	240	48.121.920	34140	Bệnh viện Đa khoa huyện Thọ Xuân	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
183	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Berlino	200.508	120	24.060.960	34050	Thành viên của huyện Thọ Xuân	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
184	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Berlino	300.508	20.000	6.010.160.000	46202	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
185	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Berlino	200.508	2.000	401.016.000	46005	Bệnh viện Công An Thuận Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
186	Novartis 50 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Berlino	200.508	1.200	240.609.600	46203	Bệnh viện Công An Thuận Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
187	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Berlino	200.508	1.200	240.609.600	46134	Trung tâm y tế Thị xã Hương Khê	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
188	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GABA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Berlino	200.508	1.000	200.508.000	46152	Trung tâm y tế Thị xã Hương Khê	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Siêng sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã BHYT	Đơn vị đăng tải	Đơn vị quản lý	Giới tính
188	Novobin 30 Phospho	Insulin aspart biphasic (GDAAs) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tổng lượng 3,5 mg)	100U/10ml	Bottle/10ml	200.508	312	62.358.496	46074	Bệnh viện Chẩn Đoán	Sở Y Tế Tỉnh Tiền Giang	Nam
190	Novobin 30 Phospho	Insulin aspart biphasic (GDAAs) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tổng lượng 3,5 mg)	100U/10ml	Bottle/10ml	200.508	90.200	18.045.720.000	79015	Bệnh viện Chợ Rẫy	Bộ Y tế	Nam
191	Novobin 30 Phospho	Insulin aspart biphasic (GDAAs) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tổng lượng 3,5 mg)	100U/10ml	Bottle/10ml	200.508	51.146	10.454.925.120	79431	Bệnh viện Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh	Bộ Y tế	Nam
192	Novobin 30 Phospho	Insulin aspart biphasic (GDAAs) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tổng lượng 3,5 mg)	100U/10ml	Bottle/10ml	200.508	27.000	5.433.715.000	79005	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Nha Trang	Bộ Y tế	Nam
193	Novobin 30 Phospho	Insulin aspart biphasic (GDAAs) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tổng lượng 3,5 mg)	100U/10ml	Bottle/10ml	200.508	4.520	1.704.318.000	92115	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
194	Novobin 30 Phospho	Insulin aspart biphasic (GDAAs) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tổng lượng 3,5 mg)	100U/10ml	Bottle/10ml	200.508	3.300	641.625.000	92300	Bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
195	Novobin 30 Phospho	Insulin aspart biphasic (GDAAs) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tổng lượng 3,5 mg)	100U/10ml	Bottle/10ml	200.508	7.700	1.555.592.000	49013	Bệnh viện Từ Dũ	Bộ Y tế An Giang	Nam
196	Novobin 30 Phospho	Insulin aspart biphasic (GDAAs) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tổng lượng 3,5 mg)	100U/10ml	Bottle/10ml	200.508	4.620	922.235.200	85004	Bệnh viện Đa Khoa An Giang	Bộ Y tế An Giang	Nam
197	Novobin 30 Phospho	Insulin aspart biphasic (GDAAs) loại hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và 30U của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tổng lượng 3,5 mg)	100U/10ml	Bottle/10ml	200.508	3.291	659.671.676	49013	Bệnh viện Đa Khoa An Giang	Bộ Y tế An Giang	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Viên nang hình dạng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GSYT	Đơn vị sử dụng	Đơn vị quản lý	Mức
198	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICD3A) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Tuần	200.508	3.212	648.041.856	89013	Phòng y tế Bệnh Đa Khoa Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Năm
199	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICD3A) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	400 viên	200.508	3.003	603.506.163	89338	Phòng y tế Bệnh Đa Khoa Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Năm
200	Novartis 10 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICD3A) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	800 viên	900.308	2.201	521.521.408	89011	Phòng y tế Bệnh Đa Khoa Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Năm
201	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICD3A) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	800 viên	870.508	1.000	200.508.000	89001	Phòng y tế Bệnh Đa Khoa Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Năm
202	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICD3A) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	800 viên	290.508	41.000	6.503.352.000	77001	Phòng y tế Bệnh Đa Khoa Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Năm
203	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICD3A) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	800 viên	200.508	22.500	4.511.430.000	77001	Phòng y tế Bệnh Đa Khoa Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Năm
204	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICD3A) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	800 viên	200.508	9.900	1.812.992.000	77004	Phòng y tế Bệnh Đa Khoa Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Năm
205	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICD3A) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	800 viên	200.508	3.360	673.706.880	77010	Phòng y tế Bệnh Đa Khoa Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Năm
206	Novartis 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICD3A) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	800 viên	200.508	3.300	661.706.400	77008	Phòng y tế Bệnh Đa Khoa Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Năm

S/T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Mức độ tái tạo	Dạng vi chế	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CAYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Đánh
207	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) Insulin định chế 100U của insulin aspart hòa với insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong dung dịch 3,5 mg)	100U/ml	Dạng tiêm	200.508	2.500	501.270.000	77006	TTYT Huyện Vĩnh Xương	Sở Y tế Huyện Vĩnh Xương	Nam
208	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) Insulin định chế 100U của insulin aspart hòa với insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong dung dịch 3,5 mg)	100U/ml	Dạng tiêm	200.508	2.400	481.219.200	77007	TTYT Huyện Vĩnh Xương	Sở Y tế Huyện Vĩnh Xương	Nam
209	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) Insulin định chế 100U của insulin aspart hòa với insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong dung dịch 3,5 mg)	100U/ml	Dạng tiêm	200.508	1.200	240.609.600	77005	TTYT Long Điền	Sở Y tế Huyện Vĩnh Xương	Nam
210	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) Insulin định chế 100U của insulin aspart hòa với insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong dung dịch 3,5 mg)	100U/ml	Dạng tiêm	200.508	16	3.208.128	77123	Bệnh viện Đa khoa Huyện Vĩnh Xương	Sở Y tế Huyện Vĩnh Xương	Nam
211	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) Insulin định chế 100U của insulin aspart hòa với insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong dung dịch 3,5 mg)	100U/ml	Dạng tiêm	200.508	6.000	1.203.048.000	95078	Clinic danh Công ty về phân tích y học đa khoa Thị trấn Vĩnh Xương Huyện Vĩnh Xương	Sở Y tế Huyện Vĩnh Xương	Nam
212	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) Insulin định chế 100U của insulin aspart hòa với insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong dung dịch 3,5 mg)	100U/ml	Dạng tiêm	200.508	800	160.406.400	95035	Trung tâm Y tế Huyện Vĩnh Xương	Sở Y tế Huyện Vĩnh Xương	Nam
213	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) Insulin định chế 100U của insulin aspart hòa với insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong dung dịch 3,5 mg)	100U/ml	Dạng tiêm	200.508	730	146.371.000	95077	Trung tâm Y tế Huyện Vĩnh Xương	Sở Y tế Huyện Vĩnh Xương	Nam
214	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) Insulin định chế 100U của insulin aspart hòa với insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong dung dịch 3,5 mg)	100U/ml	Dạng tiêm	200.508	420	84.203.200	95075	Clinic y học phân tích đa khoa Thị trấn Vĩnh Xương	Sở Y tế Huyện Vĩnh Xương	Nam
215	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (GDA) Insulin định chế 100U của insulin aspart hòa với insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong dung dịch 3,5 mg)	100U/ml	Dạng tiêm	200.508	9.200	1.844.671.600	95079	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Sở Y tế Huyện Vĩnh Xương	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tính ra tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Đơn vị ứng trả	Đơn vị quản lý	Mô tả
216	Novobiotin 30 PhosPen	Insulin aspart biphasic (C/NNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan và 30IU của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle/box	200.508	3.508	1.102.194.370	83500	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang Tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Năm
217	Novobiotin 30 PhosPen	Insulin aspart biphasic (C/NNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan và 30IU của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle/box	200.508	3.508	1.102.194.370	83500	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang Tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Năm
218	Novobiotin 30 PhosPen	Insulin aspart biphasic (C/NNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan và 30IU của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle/box	200.508	3.508	1.102.194.370	83500	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang Tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Năm
219	Novobiotin 30 PhosPen	Insulin aspart biphasic (C/NNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan và 30IU của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle/box	200.508	3.508	1.102.194.370	83500	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang Tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Năm
220	Novobiotin 30 PhosPen	Insulin aspart biphasic (C/NNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan và 30IU của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle/box	200.508	3.508	1.102.194.370	83500	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang Tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Năm
221	Novobiotin 30 PhosPen	Insulin aspart biphasic (C/NNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan và 30IU của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle/box	200.508	3.508	1.102.194.370	83500	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang Tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Năm
222	Novobiotin 30 PhosPen	Insulin aspart biphasic (C/NNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan và 30IU của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle/box	200.508	3.508	1.102.194.370	83500	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang Tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Năm
223	Novobiotin 30 PhosPen	Insulin aspart biphasic (C/NNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan và 30IU của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle/box	200.508	3.508	1.102.194.370	83500	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang Tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Năm
224	Novobiotin 30 PhosPen	Insulin aspart biphasic (C/NNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan và 30IU của insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle/box	200.508	3.508	1.102.194.370	83500	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang Tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Năm

SĐT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Dạng gá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYJ	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mã
225	Novoblox 30 Fls/Fls	Insulin aspart biphasic (FTRN) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Edo/10ml	900.908	15.600	3.137.794.820	74147	Công ty cổ phần Bình Minh Việt Nam	Sở Y tế Bình Dương	Nam
226	Novoblox 30 Fls/Fls	Insulin aspart biphasic (FTRN) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Edo/10ml	200.508	13.800	2.480.095.000	74183	Công ty Cổ phần Công ty L3 phân phối Việt Nam - Bình Minh Việt Nam	Sở Y tế Bình Dương	Nam
227	Novoblox 30 Fls/Fls	Insulin aspart biphasic (FTRN) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Edo/10ml	200.508	10.000	3.000.000.000	74182	Công ty Cổ phần Công ty L3 phân phối Việt Nam - Bình Minh Việt Nam	Sở Y tế Bình Dương	Nam
228	Novoblox 30 Fls/Fls	Insulin aspart biphasic (FTRN) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Edo/10ml	200.508	9.000	1.820.896.800	74193	Công ty TNHH Bình Minh Việt Nam - Bình Minh Việt Nam	Sở Y tế Bình Dương	Nam
229	Novoblox 30 Fls/Fls	Insulin aspart biphasic (FTRN) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Edo/10ml	200.508	4.000	1.684.267.200	74115	Công ty TNHH Bình Minh Việt Nam - Bình Minh Việt Nam	Sở Y tế Bình Dương	Nam
230	Novoblox 30 Fls/Fls	Insulin aspart biphasic (FTRN) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Edo/10ml	200.508	8.188	1.661.861.104	74182	Công ty TNHH Bình Minh Việt Nam - Bình Minh Việt Nam	Sở Y tế Bình Dương	Nam
231	Novoblox 30 Fls/Fls	Insulin aspart biphasic (FTRN) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Edo/10ml	200.508	5.372	1.277.636.976	74172	Công ty TNHH Bình Minh Việt Nam - Bình Minh Việt Nam	Sở Y tế Bình Dương	Nam
232	Novoblox 30 Fls/Fls	Insulin aspart biphasic (FTRN) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Edo/10ml	200.508	1.000	200.508.000	74115	Công ty TNHH Bình Minh Việt Nam - Bình Minh Việt Nam	Sở Y tế Bình Dương	Nam
233	Novoblox 30 Fls/Fls	Insulin aspart biphasic (FTRN) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart và insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Edo/10ml	200.508	1.000	200.508.000	74115	Công ty TNHH Bình Minh Việt Nam - Bình Minh Việt Nam	Sở Y tế Bình Dương	Nam

STT	Tên thuốc	Tên loại chất	Nhiều đb, hạn dùng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tính tổng (VNĐ)	Mã BHYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
231	Novobin 30 Fexfen	Insulin aspart biphasic (GDKA) liều đơn liều 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 20/80 (tổng dung 3,5 mg)	100U/ml	Bottle	200.508	13.000	3.007.500.000	70030	Dinh Dưỡng Clinical Soc Soc Kere	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
233	Novobin 30 Fexfen	Insulin aspart biphasic (GDKA) liều đơn liều 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 20/80 (tổng dung 3,5 mg)	100U/ml	Bottle	200.508	4.000	802.032.000	70031	Bệnh Viện Đa Khoa Hút Bình Phước	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
236	Novobin 30 Fexfen	Insulin aspart biphasic (GDKA) liều đơn liều 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 20/80 (tổng dung 3,5 mg)	100U/ml	Bottle	200.508	2.000	401.016.000	70038	Phòng khám y tế huyện Lộc Ninh	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
237	Novobin 30 Fexfen	Insulin aspart biphasic (GDKA) liều đơn liều 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 20/80 (tổng dung 3,5 mg)	100U/ml	Bottle	200.508	1.500	300.762.000	70006		Sở Y Tế Bình Phước	Nam
238	Novobin 30 Fexfen	Insulin aspart biphasic (GDKA) liều đơn liều 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 20/80 (tổng dung 3,5 mg)	100U/ml	Bottle	200.508	4.000	802.032.000	70031	Hệ thống y tế Cơ Sở	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
239	Novobin 30 Fexfen	Insulin aspart biphasic (GDKA) liều đơn liều 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 20/80 (tổng dung 3,5 mg)	100U/ml	Bottle	200.508	6.000	1.203.048.000	40025	Phòng y tế đa khoa Lớn Tân	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
240	Novobin 30 Fexfen	Insulin aspart biphasic (GDKA) liều đơn liều 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 20/80 (tổng dung 3,5 mg)	100U/ml	Bottle	200.508	1.200	240.609.600	96066	Trung tâm y tế huyện Phú Tân	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
241	Novobin 30 Fexfen	Insulin aspart biphasic (GDKA) liều đơn liều 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 20/80 (tổng dung 3,5 mg)	100U/ml	Bottle	200.508	66.500	13.363.552.000	70001	Bệnh Viện Đa Khoa Bình Phước	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
242	Novobin 30 Fexfen	Insulin aspart biphasic (GDKA) liều đơn liều 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 20/80 (tổng dung 3,5 mg)	100U/ml	Bottle	200.508	13.200	2.646.806.400	70031	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ YẾN BÌNH PHƯỚC	Sở Y Tế Bình Phước	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hạt/lượng	Đơn vị tính	Đơn vị (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GSYT	Đơn vị sử dụng	Đơn vị phân lý	Giới tính
243	Novartis 30 Flucan	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	9.400	1.884.775.200	75308	Thích Việt do Khoa Đông y Trung Quốc	Sở Y Tế Thống Nhất	Nam
244	Novartis 30 Flucan	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	6.600	1.323.050.800	75308	Công ty CP Thyết Phòng Sản Cải cách nông nghiệp Thống Nhất	Sở Y Tế Phước Ninh	Nam
245	Novartis 30 Flucan	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	6.596	1.323.034.704	75308	Tung Sơn Y tế Trung Ương Sơn	Sở Y Tế Đông Sơn	Nam
246	Novartis 30 Flucan	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	5.200	1.042.541.600	75301	Đông Sơn do Trung Quốc Sản phẩm Quản	Sở Y Tế Thống Nhất	Nam
247	Novartis 30 Flucan	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.00	20.000.800	75306	Công ty CP Đông Sơn Sản phẩm chính hãng Đông Sơn	Sở Y Tế Phước Ninh	Nam
248	Novartis 30 Flucan	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.000	601.224.000	60734	Công ty Cổ phần Đông Sơn Sản phẩm chính hãng Đông Sơn	Sở Y Tế Đông Sơn Thống Nhất	Nam
249	Novartis 30 Flucan	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	600	120.405.600	60705	Trung Sơn Y tế Đông Sơn	Sở Y Tế Đông Sơn Thống Nhất	Nam
250	Novartis 30 Flucan	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	2.000	401.016.000	60706	Đông Sơn do Khoa Đông y Trung Quốc	Sở Y Tế Phước Ninh	Nam
251	Novartis 30 Flucan	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/ml	Bottle	200.508	1.200	240.609.600	60702	Tung Sơn Y tế Trung Ương Sơn	Sở Y Tế Đông Sơn	Nam

SĐT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Tham số (VNDS)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GSY	Đơn vị cấp phát	Đơn vị quản lý	Giới tính
251	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam
252	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam
253	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam
254	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam
255	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam
256	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam
257	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam
258	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam
259	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam
260	Novoblix 30 Phân	Insulin aspart biphasic (GDSNA) hàm dịch chứa: 100U của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bột mịn	200,508	360	152.467.683	83201	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y tế Thị trấn	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ bình luận	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành giá (VNĐ)	Mã GSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Màu
261	Novobla 30 Zacten	Insulin aspart biphasic (C/N/A) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	8.000	1.604.064.000	72303	Tung dịch y tế Chi Tham	Sở Y Tế Chị Ninh	Nam
262	Novobla 30 Zacten	Insulin aspart biphasic (C/N/A) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	8.000	1.604.064.000	72303	Tung dịch y tế Chi Tham	Sở Y Tế Chị Ninh	Nam
263	Novobla 30 Zacten	Insulin aspart biphasic (C/N/A) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	8.000	1.604.064.000	72303	Tung dịch y tế Chi Tham	Sở Y Tế Chị Ninh	Nam
264	Novobla 30 Zacten	Insulin aspart biphasic (C/N/A) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	8.000	1.604.064.000	72303	Tung dịch y tế Chi Tham	Sở Y Tế Chị Ninh	Nam
265	Novobla 30 Zacten	Insulin aspart biphasic (C/N/A) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	8.000	1.604.064.000	72303	Tung dịch y tế Chi Tham	Sở Y Tế Chị Ninh	Nam
266	Novobla 30 Zacten	Insulin aspart biphasic (C/N/A) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	8.000	1.604.064.000	72303	Tung dịch y tế Chi Tham	Sở Y Tế Chị Ninh	Nam
267	Novobla 30 Zacten	Insulin aspart biphasic (C/N/A) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	8.000	1.604.064.000	72303	Tung dịch y tế Chi Tham	Sở Y Tế Chị Ninh	Nam
268	Novobla 30 Zacten	Insulin aspart biphasic (C/N/A) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	8.000	1.604.064.000	72303	Tung dịch y tế Chi Tham	Sở Y Tế Chị Ninh	Nam
269	Novobla 30 Zacten	Insulin aspart biphasic (C/N/A) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bạt tiêm	290.508	8.000	1.604.064.000	72303	Tung dịch y tế Chi Tham	Sở Y Tế Chị Ninh	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Dùng gói (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Nhà CSYT	Đơn vị cấp trả	Đơn vị quản lý	Thời gian
270	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine insulin 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Holcim	200,508	106	21.041.530	92.114	Chi nhánh vùng y tế cấp đầu tư và thường trú tại Trung tâm Y tế huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y tế Cảnh sát Công an Tỉnh	Năm
271	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine insulin 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Holcim	200,508	6.596	1.319.342.600	62.601	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tỉnh Quảng	Sở Y tế Tỉnh Quảng	Năm
272	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine insulin 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Bectec	200,508	430	86.218.460	82.053	Bệnh viện Đa khoa Sau Vực Cổ Lũy Tỉnh Quảng	Sở Y tế Tỉnh Quảng	Năm
273	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine insulin 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Toludin	200,508	112.000	22.456.890.000	79.034	Bệnh viện Nhân Dân Tỉnh	Sở Y tế Tỉnh	Năm
274	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine insulin 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dai Nhat	200,508	87.000	16.626.640.000	79.037	Bệnh viện Thành Phố Tỉnh	Sở Y tế Tỉnh HCM	Năm
275	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine insulin 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dai Nhat	200,508	20.000	4.013.375.000	79.034	Bệnh viện Quận Đống Đa Tỉnh	Sở Y tế Tỉnh HCM	Năm
276	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine insulin 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dai Nhat	200,508	22.400	4.571.582.000	79.039	Bệnh viện huyện Củ Chi Tỉnh	Sở Y tế Tỉnh HCM	Năm
277	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine insulin 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Dai Nhat	200,508	22.470	4.595.875.700	79.039	Bệnh viện Quận Phú Nhuận Tỉnh	Sở Y tế Tỉnh HCM	Năm
278	Novobix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (ICDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine insulin 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Gauche	200,508	21.000	4.250.369.000	79.035	Bệnh viện Quận Bình Tân Tỉnh	Sở Y tế Tỉnh HCM	Năm

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nguồn gốc, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thị giá (VNĐ)	Mã CSYT	Tên vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Nhân
279	Novobin 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (G-DNA) 1ml hỗn dịch chứa 130U của insulin aspart hòa với protamine aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Quyển	204.504	20.000	4.090.160.000	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	Sở Y Tế TP HCM	Nam
280	Novobin 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (G-DNA) 1ml hỗn dịch chứa 130U của insulin aspart hòa với protamine aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Quyển	200.508	36.000	4.010.160.000	79030	TỔNG HỢP TÂM Y TẾ QUẬN 1	Sở Y Tế TP HCM	Nam
281	Novobin 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (G-DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Quyển	200.508	19.500	4.020.026.000	79031	Bệnh viện Quận Định Thành	Sở Y Tế TP HCM	Nam
282	Novobin 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (G-DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Quyển	200.508	15.500	3.320.472.400	79033	Bệnh viện Nguyễn Trí Phương	Sở Y Tế TP HCM	Nam
283	Novobin 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (G-DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Quyển	200.508	15.500	3.320.472.400	79079	Bệnh viện Lê Văn Thạch	Sở Y Tế TP HCM	Nam
284	Novobin 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (G-DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Quyển	200.508	16.000	3.290.128.000	30663	BAN ĐẠO VỆ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CÁN BỘ TỔ LUYỆN KINH	Sở Y Tế TP HCM	Nam
285	Novobin 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (G-DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Quyển	200.508	15.000	3.260.820.000	79072	Bệnh viện An Bình	Sở Y Tế TP HCM	Nam
286	Novobin 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (G-DNA) 1ml hỗn dịch chứa 130U của insulin aspart hòa với protamine aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Quyển	200.508	11.200	2.205.689.600	79010	Bệnh viện Quận 4	Sở Y Tế TP HCM	Nam
287	Novobin 30 Fosphen	Insulin aspart biphasic (G-DNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa với protamine aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30:70 (lượng đường 3,5 mg)	100U/1ml	Quyển	200.508	10.400	2.081.363.200	79004	Bệnh viện Trưng Vương	Sở Y Tế TP HCM	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSVT	Đơn vị cấp trả	Đơn vị quản lý	Nguồn
288	Novobiotin 30 Plus 200ml	Insulin aspart biphasic (ICDHA) 1ml hỗn dịch chứa 100 IU insulin aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	200IU/1ml	Chai 200ml	204.508	8.000	1.636.064.000	79010	Đông Anh Quận 7	Sở Y Tế TP HCM	Nam
289	Novobiotin 30 Plus 200ml	Insulin aspart biphasic (ICDHA) 1ml hỗn dịch chứa 100 IU insulin aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Chai 200ml	200.508	8.000	1.604.064.000	79021	Đông Anh Quận 7, Sài Gòn	Sở Y Tế TP HCM	Nam
290	Novobiotin 30 Plus 200ml	Insulin aspart biphasic (ICDHA) 1ml hỗn dịch chứa 100 IU insulin aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Chai 200ml	200.508	7.000	1.403.057.000	79021	Đông Anh Quận 7	Sở Y Tế TP HCM	Nam
291	Novobiotin 30 Plus 200ml	Insulin aspart biphasic (ICDHA) 1ml hỗn dịch chứa 100 IU insulin aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Chai 200ml	200.508	6.000	1.203.048.000	79026	Thành phố Hồ Chí Minh Quận 7	Sở Y Tế TP HCM	Nam
292	Novobiotin 30 Plus 200ml	Insulin aspart biphasic (ICDHA) 1ml hỗn dịch chứa 100 IU insulin aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Chai 200ml	200.508	3.520	1.105.804.160	79035	Đông Anh Quận 7	Sở Y Tế TP HCM	Nam
293	Novobiotin 30 Plus 200ml	Insulin aspart biphasic (ICDHA) 1ml hỗn dịch chứa 100 IU insulin aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Chai 200ml	200.508	5.074	1.009.370.112	79043	Thành phố Hồ Chí Minh Quận 7	Sở Y Tế TP HCM	Nam
294	Novobiotin 30 Plus 200ml	Insulin aspart biphasic (ICDHA) 1ml hỗn dịch chứa 100 IU insulin aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Chai 200ml	200.508	5.000	1.002.540.000	79041	Đông Anh Quận 7	Sở Y Tế TP HCM	Nam
295	Novobiotin 30 Plus 200ml	Insulin aspart biphasic (ICDHA) 1ml hỗn dịch chứa 100 IU insulin aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Chai 200ml	200.508	4.800	962.438.400	79025	Đông Anh Quận 7	Sở Y Tế TP HCM	Nam
296	Novobiotin 30 Plus 200ml	Insulin aspart biphasic (ICDHA) 1ml hỗn dịch chứa 100 IU insulin aspart biphasic với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100IU/1ml	Chai 200ml	200.508	2.540	509.341.120	79020	Đông Anh Quận 7	Sở Y Tế TP HCM	Nam

SJT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Phân loại, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Đơn vị cấp trả	Đơn vị quản lý	Giới tính
297	Novobin 30 Tablet	Insulin aspart biphasic (ICDAA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 40:70 (lượng đường 3,5 mg)	300IU/1ml	Đơn liều	292.508	2.500	591.270.000	79034	Bệnh viện Quốc Tế Hoàn Kiếm	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
298	Novobin 30 Tablet	Insulin aspart biphasic (ICDAA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 40:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Đơn liều	290.508	2.400	431.219.200	79034	Kế hoạch hóa Gia đình Quận 12	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
299	Novobin 30 Tablet	Insulin aspart biphasic (ICDAA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 40:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Đơn liều	208.508	2.500	461.158.400	79023	Bệnh viện Đa Khoa Lâm Sơn - Củ Chi	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
300	Novobin 30 Tablet	Insulin aspart biphasic (ICDAA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 40:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Đơn liều	208.508	1.200	250.209.600	79011	Bệnh viện Đa Khoa Quận 5	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
301	Novobin 30 Tablet	Insulin aspart biphasic (ICDAA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 40:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Đơn liều	208.508	704	146.126.832	79017	Phòng khám Quận 5	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
302	Novobin 30 Tablet	Insulin aspart biphasic (ICDAA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 40:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Đơn liều	208.508	640	133.445.120	79031	Bệnh viện Quận 1 - Củ Chi	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
303	Novobin 30 Tablet	Insulin aspart biphasic (ICDAA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 40:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Đơn liều	208.508	250	52.127.000	79014	Dịch vụ Tư Vấn	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
304	Novobin 30 Tablet	Insulin aspart biphasic (ICDAA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 40:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Đơn liều	208.508	240	49.121.920	79076	Bệnh viện Quận 12	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
305	Novobin 30 Tablet	Insulin aspart biphasic (ICDAA) 1ml hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 40:70 (lượng đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Đơn liều	208.508	115	23.968.120	79094	Bệnh viện Quận 12	Sở Y Tế TP. HCM	Nam

STT	Tên thuốc	Yêu cầu chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GSVT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mã
306	Novobin 30 Flaxfen	Insulin aspart biphasic (ICINs) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,3 mg)	100IU/ml	Bắt đầu	200.500	80	16.040.500	79473	Bệnh viện Từ Húc	Sở Y Tế TP HCM	Nam
307	Novobin 30 Flaxfen	Insulin aspart biphasic (ICINs) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,3 mg)	100IU/ml	Đợt tiếp	200.500	70	14.035.500	79597	Bệnh viện Bình Dân	Sở Y Tế TP HCM	Nam
308	Novobin 30 Flaxfen	Insulin aspart biphasic (ICINs) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,3 mg)	100IU/ml	Bắt đầu	200.500	13.040	2.612.670.500	79478	Bệnh viện Đa Khoa Từ Liêm	Sở Y Tế TP HCM	Nam
309	Novobin 30 Flaxfen	Insulin aspart biphasic (ICINs) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,3 mg)	100IU/ml	Đợt tiếp	200.500	3.197	639.983.516	79479	Bệnh viện Từ Liêm	Sở Y Tế TP HCM	Nam
310	Novobin 30 Flaxfen	Insulin aspart biphasic (ICINs) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,3 mg)	100IU/ml	Đợt tiếp	200.500	107	21.483.150	79576	Đợt tiếp do nhà Tài Lực	Sở Y Tế TP HCM	Nam
311	Novobin 30 Flaxfen	Insulin aspart biphasic (ICINs) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,3 mg)	100IU/ml	Đợt tiếp	200.500	2.001	401.581.500	84207	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Cầu Giấy	Sở Y Tế TP HCM	Nam
312	Novobin 30 Flaxfen	Insulin aspart biphasic (ICINs) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,3 mg)	100IU/ml	Bắt đầu	200.500	2.001	401.581.500	84026	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Cầu Giấy	Sở Y Tế TP HCM	Nam
313	Novobin 30 Flaxfen	Insulin aspart biphasic (ICINs) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,3 mg)	100IU/ml	Đợt tiếp	200.500	2.000	401.581.500	86219	Tung Tâm Y Tế Huyện Móng Cái	Sở Y Tế TP HCM	Nam
314	Novobin 30 Flaxfen	Insulin aspart biphasic (ICINs) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,3 mg)	100IU/ml	Đợt tiếp	200.500	2.001	401.581.500	86047	Tung Tâm Y Tế Thị trấn Sỏi	Sở Y Tế TP HCM	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hàng xuất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Mã GST	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Mô tả
313	Novocain 300 Fluorin	Insulin aspart biphasic (ICDHA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan insulin aspart tác dụng với protamine 300 U/g 30x70 (trong đường 3,5 mg)	1.000 U/10ml	Bottle	900.500	2.000	1.801.000.000	06106	Tổng đài y tế Trung Quốc Tân	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam
315	Novocain 10 Fluorin	Insulin aspart biphasic (ICDHA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan insulin aspart 100 U/g 30x70 (trong đường 3,5 mg)	100IU/1ml	Bottle	200.500	1.200	240.600.000	06106	Tổng đài y tế Trung Quốc Tân	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam
317	Novocain 300 Fluorin	Insulin aspart biphasic (ICDHA) loại hỗn dịch chứa 100IU của insulin aspart hòa tan insulin aspart 300 U/g 30x70 (trong đường 3,5 mg)	1.000 U/1ml	Bottle	200.500	400	80.200.000	06101	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam
Tổng cộng:		317 bottles				2.318.000	644.136.560.000				

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TBYT HÀ NỘI CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 34-2023CV/HPC-KDXNK
V/v: Phê duyệt thư chấp thuận HSDX và vào TTK số
802/TTMS-NVD - ĐPC.BDG.04.2021)

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (TTMS)

Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYT Hà Nội (Hapharco) xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYT Hà Nội đã tham dự *Coi thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đảm bảo giá năm 2021 (Mô hình: ĐPC.BDG.04.2021)* do Quý Trung tâm tổ chức và nhận được thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 802/TTMS-NVD ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

Bảng văn bản này, Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYT Hà Nội xin phúc đáp đến Quý Trung tâm các nội dung theo yêu cầu của Thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 802/TTMS-NVD như sau:

- 1. Chấp thuận điều chỉnh số lượng thuốc trúng thầu theo như đề nghị tại các phụ lục của Thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 802/TTMS-NVD ngày 28 tháng 12 năm 2022.
- 2. Chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

Thông tin đầu liên lạc ký kết hợp đồng và cung ứng hàng hóa cho các cơ sở y tế:

Gọi thầu/trưng thầu	Phân công đảm nhiệm ký kết hợp đồng và cung ứng hàng hóa
Gọi thầu: 4 Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đảm bảo giá năm 2021 (Mô hình: ĐPC.BDG.04.2021)	1. Đối với các cơ sở y tế tại khu vực Miền Bắc và Miền Trung (từ Gia Lai, Bình Định trở ra các thành phố và các tỉnh phía Bắc): Đầu mối liên hệ về việc ký hợp đồng và cung ứng hàng hóa: Nguyễn Hoài Dân - 0374532675 2. Đối với các cơ sở y tế thuộc các tỉnh còn lại: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thái bị y tế Hà Nội Nội phân công cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Thái bị y tế Hà Nội thực hiện việc: - Tham gia quá trình thực hiện, hoàn thiện hợp đồng. - Ký hợp đồng. - Ký phụ lục hợp đồng, thanh lý hợp đồng, biên bản bàn giao, nghiệm thu, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành và các vấn đề liên quan đến hợp đồng. - Xuất hóa đơn, ký phát hành hóa đơn, cung ứng hàng, thu tiền hàng. - Được sử dụng con dấu của Chi nhánh công ty Cổ phần Dược phẩm Thái bị y tế Hà Nội thực hiện các công việc nêu trên. 2.1 Thông tin chi nhánh: - Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÁI BỊ Y TẾ HÀ NỘI - Địa chỉ: 27B, Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Số điện thoại: 028. 38160348; 38165349 - Mã số thuế: 0100100609 – 032 - Email: contact1@hapharco.com.vn - Người đại diện ký hợp đồng: Ông NGUYỄN TẤT TƯỜNG - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh - Số Giấy ủy quyền: 54/2022/UQ-TCTD ngày 04/1/2022, hiệu lực đến 30/06/2025 2.2 Đầu mối liên hệ về việc ký hợp đồng và cung ứng hàng hóa tại các cơ sở con lại: Đoàn Thị Mỹ Hà - 09318975579



3. Chúng tôi cam kết năng lực hiện tại hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ đề xuất.
Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

syt_binhding_vt_Van thu SYT Binh Dinh_11/01/2023 13:36:45

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TBYT HÀ NỘI

Tổng giám đốc



Dinh Văn Đông



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THIỆT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 54/2022/UQ-TGD

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH14 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội;
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty CP Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội ("Công ty").

Hôm nay, chúng tôi gồm những người có tên dưới đây:

BÊN ỦY QUYỀN : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

Đại diện : **Ông DINH VĂN DÔNG**

CCCD số : 008069006868 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/7/2022

Chức vụ : Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội

Địa chỉ công ty : Số 02 Hàng Bài, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

và

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM

THIỆT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

Đại diện : **Ông NGUYỄN TẤT THĂNG**

CCCD số : 001064020614 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

cấp ngày 12/4/2021

Chức vụ : Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội

Địa chỉ chi nhánh : Số 27B Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(Sau đây gọi là "**Bên B**")

Bằng văn bản này, Bên A ủy quyền cho Bên B và Bên B đồng ý nhận ủy quyền làm đại diện và thay mặt Bên A thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia ký kết hợp đồng kinh tế với một số cơ sở y tế được phân bổ thuộc gói thầu **Gói thầu 4: Cung cấp thuốc diệt đỉ** (gọi tắt là **Thuốc diệt đỉ**) và **điều trị tiêu đường thuộc danh mục danh sách giá năm 2021** (Mã dự thầu: **DPG.BDG.04.2021**) do Trung tâm mua sắm tập trung thuộc Quốc gia làm bên mời thầu:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

- *Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.*
- *Ký hợp đồng.*
- *Ký phụ lục hợp đồng, thanh lý hợp đồng, biên bản bàn giao, nghiệm thu, báo cáo xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành và các văn bản liên quan đến hợp đồng;*
- *Xử lý hóa đơn, ký phát hành hóa đơn, cung ứng hàng, thu tiền hàng;*
- *Được sử dụng con dấu của Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội thực hiện các công việc nêu trên.*

ĐIỀU 2: PHẠM VI ỦY QUYỀN

Ông Nguyễn Tất Thắng chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội, đối với các cơ sở y tế tại các tỉnh, thành phố: Thanh phố Hồ Chí Minh, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ông Nguyễn Tất Thắng thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 04/11/2022 đến hết ngày 30/06/2025.

Giấy ủy quyền này được lập thành ba bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ một bản, người được ủy quyền giữ một bản, Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia giữ một bản.

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP
DƯỢC PHẨM TBVT HÀ NỘI**



NGUYỄN TẤT THẮNG

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
TBVT HÀ NỘI**



BÌNH VĂN ĐÔNG



SeABank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SBG 229770

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2023

THƯ BẢO LÃNH

THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi: CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỰC HIỆN KÝ HỢP ĐỒNG VÀ THỤ HƯỞNG BẢO LÃNH
(THEO DANH SÁCH PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM)

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Dược phẩm "Thiết bị y tế Hà Nội (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu "Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: DPG.BDG.04.2021)" và kèm kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho các cơ sở y tế bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sở Giao dịch có trụ sở đăng ký tại Một phần Tầng 1 Tòa nhà tại số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tử, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là 13.342.098.040 VNĐ (Bằng chữ: Mười ba tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu không trăm chín mươi tám nghìn không trăm bốn mươi đồng). Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho các cơ sở y tế trong phụ lục bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn 13.342.098.040 VNĐ (Bằng chữ: Mười ba tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu không trăm chín mươi tám nghìn không trăm bốn mươi đồng) như đã nêu trên, khi có yêu cầu của cơ sở y tế trong phụ lục thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày 12/01/2023 cho đến hết ngày 11/02/2025.

Bên nhận bảo lãnh có thể thực mọi thông tin về Thư bảo lãnh này bằng cách:

- Nhắn tin theo cú pháp SB BL <Số seri thư bảo lãnh> đến số 6089;
- Gọi điện về tổng đài của SeABank số 1900 555 587;
- Gửi công văn đề nghị xác thực bảo lãnh về Văn phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn – Chi nhánh Sở Giao dịch tại địa chỉ: Một phần Tầng 1 Tòa nhà tại số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tử, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. ✕

ĐẠI BIỂU NGÂN HÀNG

(Ký tên, đóng dấu)



NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á (SEABANK)

Hội sở: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3944 8688 | Fax: (+84 24) 3944 9038

Email: contact@seabank.com.vn



1900 555 587

www.seabank.com.vn

syt_binhding_vt_Van thu SYT Binh Dinh_11/01/2023 13:36:45



CONTACT CENTER
1900 555 587

www.seabank.com.vn

NGÂN HÀNG TMCP ĐỒNG NAM Á (SEABANK)
Hội sở: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3944 6688 | Fax: (+84 24) 3944 9038
Email: contact@seabank.com.vn



SeABank

Kết nối giá trị cuộc sống

PHỤ LỤC DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ Y TẾ THUỘC CÔNG BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Thủ tục lĩnh thực hiện hợp đồng số SBG229770 ngày 04/01/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sở Giao dịch)

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị tương đương được phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lãnh (VNĐ)
1	01914	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	Hà Nội	33.284.328.000	998.529.840
2	01925	Bệnh viện Lão khoa Trung Ương	Hà Nội	1.563.962.400	46.918.880
3	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	2.205.588.000	66.167.640
4	01001	Bệnh viện Phụ Nữ	Hà Nội	721.828.800	21.654.870
5	19010	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Thái Nguyên	701.778.000	21.053.340
6	01047	Bệnh viện YHCT TW	Hà Nội	401.016.000	12.030.480
7	01915	Bệnh viện Nhi Trung ương	Hà Nội	401.016.000	12.030.480
8	31168	Bệnh viện Đại học y Hải Phòng	Hải Phòng	320.812.800	9.624.390
9	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Hà Nội	240.609.600	7.218.290
10	01924	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	Hà Nội	200.508.000	6.015.240
11	01007	Bệnh viện E	Hà Nội	160.406.400	4.812.200
12	31142	Viện Y học Biển Việt Nam	Hải Phòng	48.121.920	1.443.660
13	01920	Viện Huyết học - Truyền máu Trung Ương	Hà Nội	30.076.200	902.290
14	19013	Bệnh viện C	Thái Nguyên	765.940.560	22.978.220
15	19009	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	403.622.604	12.108.680
16	19019	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược	Thái Nguyên	401.016.000	12.030.480
17	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	401.016.000	12.030.480
18	19014	Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên	Thái Nguyên	266.675.640	8.000.270
19	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	Thái Nguyên	264.670.560	7.940.120
20	19133	Bệnh viện Đa khoa Yên Định Thái Nguyên	Thái Nguyên	172.236.372	5.167.100
21	24011	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	200.508.000	6.015.240
22	24007	Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	172.236.372	5.167.100
23	24006	Trung Tâm Y tế huyện Tân Yên	Bắc Giang	80.203.200	2.406.100
24	24009	Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	Bắc Giang	77.797.104	2.333.920
25	06001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn	172.035.864	5.161.080
26	24014	Bệnh viện Quân y 110	Đắk Ninh	320.812.800	9.624.390
27	27025	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	240.609.600	7.218.290
28	27157	Trung tâm y tế huyện Tiên Du	Bắc Ninh	216.548.640	6.496.460
29	27152	Trung tâm y tế huyện Yên Phong	Bắc Ninh	200.508.000	6.015.240
30	27001	Trung tâm y tế thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	120.304.800	3.609.150
31	27004	Trung tâm Y tế Thành phố Từ Sơn	Bắc Ninh	32.081.280	962.440

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị tương đương phân bổ (VNĐ)	Giá trị hoàn lại (VNĐ)
32	04014	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	2.005.080.000	60.152.400
33	35001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Hà Nam	1.764.470.400	52.934.120
34	01919	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hà Nội	3.228.178.800	96.845.170
35	01006	Bệnh viện Thanh Niên	Hà Nội	3.007.620.000	90.228.600
36	01031	Hệ thống đa khoa Đông Anh	Hà Nội	1.142.895.600	34.286.870
37	01043	Bệnh viện 19-8, Bộ Công An	Hà Nội	802.032.000	24.060.960
38	01819	Bệnh viện Quân Y 105	Hà Nội	802.032.000	24.060.960
39	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Hà Nội	802.032.000	24.060.960
40	201029	Bệnh viện đa khoa Thanh Trì	Hà Nội	892.032.000	24.060.960
41	01161	Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	Hà Nội	641.625.600	19.248.770
42	01828	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	Hà Nội	641.625.600	19.248.770
43	01003	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Hà Nội	478.612.596	14.358.180
44	01010	Công ty cổ phần Bệnh viện gian thông vận tải	Hà Nội	421.066.800	12.632.010
45	01831	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Hà Nội	401.016.000	12.030.480
46	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Hà Nội	401.016.000	12.030.480
47	01056	Bệnh viện đa khoa Hồ Nai	Hà Nội	310.787.400	9.323.630
48	01015	Bệnh viện Quân Y 354	Hà Nội	264.670.560	7.940.120
49	01821	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	Hà Nội	250.635.000	7.519.050
50	01062	Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công an	Hà Nội	220.558.800	6.616.770
51	01824	Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	Hà Nội	200.508.000	6.015.240
52	01065	Bệnh viện Dệt May	Hà Nội	158.401.520	4.752.040
53	01055	Bệnh viện Xây dựng	Hà Nội	144.365.760	4.330.980
54	01018	Viện Y học Phòng không - Không quân	Hà Nội	144.365.760	4.330.980
55	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Đa Vi	Hà Nội	120.304.800	3.609.150
56	01823	Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	Hà Nội	100.254.000	3.007.620
57	01830	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	Hà Nội	60.152.400	1.804.580
58	01071	Bệnh viện Nam Thăng Long	Hà Nội	48.121.920	1.443.660
59	30301	Hệ thống Phục hồi chức năng Hải Dương	Hải Dương	882.235.200	26.467.060
60	30013	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương	Hải Dương	601.524.000	18.045.720
61	30298	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Hải Dương	Hải Dương	403.622.604	12.108.680
62	17001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	1.251.169.920	37.535.100
63	17014	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cần bộ	Hòa Bình	441.117.600	13.233.530
64	17009	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	Hòa Bình	101.056.032	3.031.690
65	33080	Trung tâm y tế huyện Yên Mỹ	Thăng Yên	501.270.000	15.038.100



SeABank

Kết nối giá trị cuộc sống

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị đóng thầu được phân bổ (VNĐ)	Giá trị báo lãnh (VNĐ)
66	33013	Trung tâm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	320.812.800	9.624.390
67	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Hưng Yên	240.609.600	7.218.290
68	36022	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	Nam Định	2.726.908.800	81.807.270
69	36025	Trung tâm Y tế huyện Giao Thủy	Nam Định	1.804.572.000	54.137.160
70	36047	Bệnh viện Nội tiết	Nam Định	842.133.600	25.264.010
71	36016	Trung tâm y tế huyện Nam Trực	Nam Định	641.625.600	19.248.770
72	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Nam Định	403.622.604	12.108.680
73	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Nam Định	260.660.400	7.819.820
74	36011	Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh	Nam Định	160.406.400	4.812.200
75	36010	Trung tâm y tế huyện Mỹ Lộc	Nam Định	48.121.920	1.443.660
76	37401	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình	144.365.760	4.330.980
77	37101	Hệ thống y tế tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	120.304.800	3.609.150
78	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phù Thọ	100.254.000	3.007.620
79	25329	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hưng Vương	Phù Thọ	72.182.880	2.165.490
80	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Quảng Ninh	120.304.800	3.609.150
81	22150	Bệnh viện Sơn Nhì Tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	50.127.000	1.503.810
82	14001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sơn La	765.940.560	22.978.220
83	34004	Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình	1.628.124.960	48.843.750
84	34311	Bệnh viện đa khoa Nam Tiến Hải	Thái Bình	481.219.200	14.436.580
85	34005	Hệ thống y tế huyện Tiên Hải	Thái Bình	403.622.604	12.108.680
86	34314	Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	Thái Bình	48.121.920	1.443.660
87	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	tỉnh Lào Cai	781.981.200	23.459.440
88	10055	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Lào Cai	tỉnh Lào Cai	400.614.984	12.018.450
89	08101	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	401.016.000	12.030.480
90	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	802.032.000	24.060.960
91	26030	Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	Vĩnh Phúc	401.016.000	12.030.480
92	15101	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Yên Bái	336.853.440	10.105.610
93	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	4.525.460.480	135.703.820
94	31006	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	Hải Phòng	1.604.064.000	48.121.920
95	31031	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	481.219.200	14.436.580
96	31008	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	Hải Phòng	312.792.480	9.383.780
97	31016	Viện Y học Hải Quân	Hải Phòng	130.330.200	3.909.910
98	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	5.012.700.000	150.381.000
99	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới Quảng Bình	Quảng Bình	1.844.673.600	55.340.210
100	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	1.604.064.000	48.121.920

STT	Mã CSKCH	Tên CSKCH	Tên tỉnh/TP	Giá trị tương đương phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lãnh (VNĐ)
101	48002	Bệnh viện Chợ Rẫy	Đà Nẵng	1.002.540.000	30.076.200
102	52001	Hệ thống y tế thành phố Quy Nhơn	Bình Định	601.524.000	18.045.720
103	52002	Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	Bình Định	48.121.920	1.443.660
104	52013	Trung tâm y tế huyện Hoài Ân	Bình Định	11.228.418	336.860
105	60001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bình Thuận	601.524.000	18.045.720
106	48065	Bệnh viện 199 - Mỹ Công An	Đà Nẵng	1.042.641.600	31.279.250
107	48003	Trung tâm y tế quận Hải Châu	Đà Nẵng	982.438.400	28.873.160
108	48001	Bệnh viện Đa Năng	Đà Nẵng	553.402.080	16.602.070
109	48006	Bệnh viện Quân Y 17 - Cục Hậu cần - QK5	Đà Nẵng	235.797.408	7.073.930
110	48008	Trung tâm y tế quận Liên Chiểu	Đà Nẵng	112.284.480	3.368.540
111	48012	Bệnh viện Đa khoa Núi Liên Chiểu	Đà Nẵng	110.680.416	3.330.420
112	66069	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Nguyễn	Đắk Lắk	1.413.581.400	42.407.450
113	66001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Tuy Nguyễn	Đắk Lắk	882.235.200	26.467.060
114	66004	Trung tâm Y tế huyện Krông Pắc	Đắk Lắk	481.219.200	14.136.580
115	66220	Bệnh viện đa khoa TX Buôn Hồ	Đắk Lắk	401.016.000	12.030.480
116	66073	Bệnh viện đa khoa khu vực 333	Đắk Lắk	120.304.800	3.609.150
117	66024	Bệnh viện Đa khoa - Công an tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	80.203.200	2.406.100
118	67014	Trung tâm Y tế huyện Đắk R Lấp	Đắk Nông	284.721.360	8.541.630
119	67072	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	28.873.152	866.200
120	67074	Trung tâm Y tế H. Tuy Đức	Đắk Nông	16.040.640	481.220
121	64020	Bệnh viện Quân Y 211	Gia Lai	120.304.800	3.609.150
122	42012	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	543.176.172	16.295.290
123	42001	Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	401.016.000	12.030.480
124	42002	Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh	Hà Tĩnh	160.406.400	4.812.200
125	42014	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe dân bộ tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	160.406.400	4.812.200
126	56012	Bệnh viện quân y 87	Khánh Hòa	260.609.600	7.218.290
127	56197	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn Nha Trang	Khánh Hòa	160.406.400	4.812.200
128	56177	Bệnh viện 22-12	Khánh Hòa	114.289.560	3.428.690
129	62127	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Kon Tum	176.447.040	5.293.420
130	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum	160.406.400	4.812.200
131	62160	Bệnh viện Đa khoa Vạn Giã An	Kon Tum	77.997.612	2.339.930
132	68001	Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng	Lâm Đồng	6.095.441.200	182.863.300
133	68650	Bệnh viện II Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.271.355.320	158.140.660
134	68002	Hệ thống Y Dược Cổ Trấn Phan Ngọc Thạch-Lâm Đồng	Lâm Đồng	401.016.000	12.030.480
135	68580	Trung tâm y tế huyện Di Linh	Lâm Đồng	401.016.000	12.030.480



SeABank

Kế nối giá trị cuộc sống

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị tương đương được phân bổ (VNĐ)	Giá trị ban hành (VNĐ)
136	68310	Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà	Lâm Đồng	340.863.600	10.225.910
137	68370	Trung tâm y tế huyện Đơn Dương	Lâm Đồng	220.558.800	6.616.770
138	68440	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	200.508.000	6.015.240
139	68003	Trung tâm Y tế Đà Lạt	Lâm Đồng	88.223.520	2.646.710
140	68038	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hoàn Mỹ	Lâm Đồng	42.106.680	1.263.210
141	40005	Bệnh viện đa khoa Đỗ Lương	Nghe An	1.604.064.000	48.121.920
142	40594	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Vinh	Nghe An	1.235.931.312	37.077.940
143	40065	Bệnh viện Nội tiết Nghệ An	Nghe An	802.032.000	24.060.960
144	40573	Bệnh viện đa khoa Quảng Khối (Công ty TNHH Y tế Hoàng Mai)	Nghe An	802.032.000	24.060.960
145	40001	Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An	Nghe An	601.524.000	18.045.720
146	40004	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	Nghe An	543.176.172	16.295.290
147	40019	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Nghe An	481.219.200	14.436.580
148	40010	Trung tâm y tế huyện Anh Sơn	Nghe An	314.597.052	9.437.920
149	40026	Bệnh viện Quân y 4/ Cục Hậu Cần Quân khu 4	Nghe An	120.304.800	3.609.150
150	40020	Trung tâm y tế Thị xã Cửa Lò	Nghe An	160.254.000	3.007.620
151	40027	Bệnh viện giao thông vận tải Vinh	Nghe An	40.101.600	1.203.050
152	58001	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	601.524.000	18.045.720
153	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phước Yên	300.762.000	9.022.860
154	44008	Bệnh viện đa khoa thành phố Đồng Hới	Quảng Bình	401.016.000	12.030.480
155	49004	Bệnh viện đa khoa KVMN phía Bắc Quảng Nam	Quảng Nam	401.016.000	12.030.480
156	49176	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương - Tam Kỳ - Công ty CP Y khoa Thái Bình Dương	Quảng Nam	384.975.360	11.549.270
157	49005	Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam	Quảng Nam	320.812.800	9.624.390
158	49009	Trung tâm Y tế huyện Thăng Bình	Quảng Nam	8.020.320	240.610
159	51002	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	Quảng Ngãi	230.584.200	6.917.530
160	51214	Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	200.508.000	6.015.240
161	51010	Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thuy Trầm	Quảng Ngãi	180.457.200	5.413.720
162	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	140.355.600	4.210.670
163	45012	Phòng Quáo lý sức khỏe cá nhân bộ	Quảng Trị	176.447.040	5.293.420
164	38001	Bệnh viện nội tiết Thanh Hóa	Thanh Hóa	3.208.128.000	96.243.840
165	38280	Bệnh viện đa khoa Tĩnh	Thanh Hóa	1.704.318.000	51.129.540
166	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	Thanh Hóa	802.032.000	24.060.960
167	38010	Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa	Thanh Hóa	641.625.600	19.248.770
168	38289	Bệnh viện đa khoa Hợp Lực	Thanh Hóa	589.919.916	17.997.600

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị tăng thêm được phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lãnh (VNĐ)
169	38160	Bệnh viện đa khoa huyện Nông Công	Thanh Hóa	401.016.000	12.030.480
170	38070	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa	360.914.400	10.827.440
171	38210	Bệnh viện đa khoa huyện Lưu Lặc	Thanh Hóa	320.812.800	9.624.390
172	38200	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	Thanh Hóa	240.609.600	7.218.290
173	38090	Bệnh viện đa khoa Khu vực Nghệ Tĩnh	Thanh Hóa	238.604.520	7.158.140
174	38150	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	Thanh Hóa	200.508.000	6.015.240
175	38230	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	Thanh Hóa	192.487.680	5.774.640
176	38733	Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh	Thanh Hóa	184.467.360	5.534.030
177	38250	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	Thanh Hóa	160.406.400	4.812.200
178	38130	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	Thanh Hóa	160.406.400	4.812.200
179	38110	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	Thanh Hóa	160.406.400	4.812.200
180	38140	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	Thanh Hóa	96.243.840	2.887.320
181	38742	Bệnh viện Công An Thanh Hoá	Thanh Hóa	55.340.208	1.660.210
182	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Thanh Hóa	48.121.920	1.443.660
183	38050	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	Thanh Hóa	24.060.960	721.830
184	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Thừa Thiên Huế	6.015.240.000	180.457.200
185	46005	Bệnh viện Quân y 208	Thừa Thiên Huế	401.016.000	12.030.480
186	46003	Bệnh viện giáo dục y khoa Đại học Huế	Thừa Thiên Huế	260.660.400	7.819.820
187	46114	Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy	Thừa Thiên Huế	240.609.600	7.218.290
188	46162	Trung tâm y tế huyện A Lưới	Thừa Thiên Huế	200.508.000	6.015.240
189	46074	Bệnh viện đa khoa Bình Điền	Thừa Thiên Huế	62.558.496	1.876.760
190	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh	18.045.720.000	541.371.600
191	79431	Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM	TP. Hồ Chí Minh	10.654.995.120	319.649.860
192	79025	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	5.413.716.000	162.411.480
193	92115	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	1.704.318.000	51.129.540
194	92000	Bệnh viện đa khoa Trung Ương Cần Thơ	Cần Thơ	641.625.600	19.248.770
195	89015	Bệnh viện Tim Mạch An Giang	An Giang	1.555.942.080	46.678.270
196	89004	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	An Giang	882.235.200	26.467.060
197	89012	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	An Giang	659.871.828	19.796.160
198	89013	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang	An Giang	648.041.856	19.441.260
199	89338	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Nhất Tân	An Giang	607.526.540	18.075.800
200	89011	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	An Giang	521.521.308	15.645.640
201	89001	Trung tâm y tế TP. Long Xuyên	An Giang	200.508.000	6.015.240
202	77001	Bệnh viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.822.352.000	264.670.560



SeABank

Kết nối giá trị cuộc sống

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị tương đương phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lãnh (VNĐ)
203	77003	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	4.511.430.000	135.342.900
204	77004	Trung tâm y tế thành phố Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	1.812.592.320	54.577.770
205	77010	Trung tâm y tế TP Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	673.706.880	20.211.210
206	77008	Trung tâm y tế Châu Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	601.524.000	18.045.720
207	77006	Trung tâm y tế Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu	501.270.000	15.038.100
208	77807	Trung tâm y tế Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	481.219.200	14.436.580
209	77105	Trung tâm y tế Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu	240.609.600	7.218.290
210	77123	Bệnh viện Phổi Phạm Hòa Chí tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	3.208.128	96.250
211	95078	Chị nhành Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Medic Hạc Liêu	Bạc Liêu	1.203.048.000	36.091.440
212	95033	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu	160.406.400	4.812.200
213	95077	Bệnh viện Quấn Dân y học Bạc Liêu	Bạc Liêu	150.381.000	4.511.430
214	95076	Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Medic	Bạc Liêu	80.203.200	2.406.100
215	85009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	1.844.673.600	55.340.210
216	85500	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Bến Tre	1.604.064.000	48.121.920
217	85500	Trung tâm Y tế huyện Giồng Trôm	Bến Tre	1.102.794.000	33.083.820
218	85700	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú	Bến Tre	794.011.680	23.820.360
219	83400	Trung tâm Y tế huyện Chợ Lách	Bến Tre	104.264.160	3.127.930
220	74024	Công ty TNHH BYDK Hoàn Hảo	Bình Dương	17.829.171.360	534.875.150
221	74001	Bệnh viện đa khoa	Bình Dương	16.040.640.000	481.219.200
222	74039	Trung tâm Y tế thành phố Thuận An	Bình Dương	9.223.368.000	276.701.040
223	74175	Công ty CP bệnh viện Vạn Phúc	Bình Dương	5.614.224.000	168.426.720
224	74174	Công ty TNHH BVYDK TN Bình Dương	Bình Dương	3.208.128.000	96.243.840
225	74147	Công ty cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Bình Dương	3.127.924.800	93.837.750
226	74183	Chị Nhành Công ty Cổ phần Bệnh viện Vạn Phúc - Bệnh viện đa khoa Vạn Phúc 2	Bình Dương	2.406.096.000	72.182.880
227	74182	Chị Nhành Công ty Cổ phần Bệnh viện Vạn Phúc - Phòng Khám Đại Khoa Vạn Phúc 1	Bình Dương	2.005.080.000	60.152.400
228	74193	Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Medic Bình Dương	Bình Dương	1.924.876.800	57.746.310
229	74115	Bệnh viện DK Cao su Dầu Tiếng	Bình Dương	1.684.267.200	50.528.020
230	74152	Công ty TNHH BVYDK Hoàn Hảo Thuận An	Bình Dương	1.681.861.104	50.455.840
231	74172	Phòng khám đa khoa Hoàn Hảo TV	Bình Dương	1.277.636.976	38.329.110
232	74215	Bệnh viện Quốc tế Perfect chi nhánh 4	Bình Dương	210.533.400	6.316.010

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị tương đương được phân bổ (VNĐ)	Giá trị báo lãnh (VNĐ)
233	74066	Trung tâm Y tế thị xã Tân Uyên	Bình Dương	32.081.280	962.440
234	70080	Ban Hào Vệ Chăm Sóc Sức Khỏe	Bình Phước	3.007.620.000	90.228.600
235	70001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước	802.032.000	24.060.960
236	70008	Bệnh viện đa khoa huyện Chơn Thành	Bình Phước	481.219.200	14.416.580
237	70006	Trung tâm Y tế huyện Lộc Ninh	Bình Phước	200.508.000	6.015.240
238	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Cà Mau	1.604.064.000	48.121.920
239	96025	Bệnh viện đa khoa Đầm Dơi	Cà Mau	1.283.251.200	38.497.540
240	96066	Trung tâm y tế huyện Phú Tân	Cà Mau	256.650.240	7.699.510
241	75001	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai	13.361.853.120	400.855.600
242	75421	Công ty vũ phủ Bệnh viện Đồng Nai-2	Đồng Nai	2.446.197.600	73.585.830
243	75009	Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh	Đồng Nai	1.884.775.200	56.545.260
244	75263	Công ty CP BVQT thông Nai-Chi nhánh công ty CPQT Đồng Nai	Đồng Nai	1.323.352.800	39.700.590
245	75012	Trung tâm y tế huyện Trảng Bommen	Đồng Nai	1.275.030.372	38.250.920
246	75011	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh Quên	Đồng Nai	1.042.641.600	31.279.250
247	75266	Công ty CP BVQT Chi nhánh thương chính nhà Sài Gòn-Đồng Nai	Đồng Nai	20.050.800	601.530
248	87174	Công ty Cổ phần BVĐK Tân Trĩ Đông Tháp	Đồng Tháp	601.524.000	18.045.720
249	87005	Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò	Đồng Tháp	160.406.400	4.812.200
250	93016	Bệnh viện đa khoa thành phố Ngã Bảy	Tây Giang	401.016.000	12.050.480
251	93002	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thủy	Hậu Giang	248.629.920	7.458.900
252	93003	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Lưu Giang	192.487.680	5.774.640
253	91010	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	Kiên Giang	16.040.640	481.220
254	80004	Trung tâm y tế huyện Bắc Lức	Long An	1.443.657.600	43.309.730
255	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	Long An	691.752.600	20.752.580
256	80263	Bệnh viện sản nhi TWG Long An	Long An	200.508.000	6.015.240
257	94170	Bệnh viện Quốc tế Phương Châu - Sóc Trăng	Sóc Trăng	27.670.104	830.110
258	72010	Bệnh viện đa khoa Tây Ninh	Tây Ninh	3.809.652.000	114.289.560
259	72130	Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á - Tây Ninh	Tây Ninh	3.751.705.188	112.551.160
260	72122	Bệnh viện đa khoa tư nhân Lê Ngọc Túong	Tây Ninh	1.804.572.000	54.137.160
261	72003	Trung tâm y tế Gò Dầu	Tây Ninh	1.604.064.000	48.121.920
262	72131	Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng	Tây Ninh	1.106.804.160	33.204.130
263	72002	Trung tâm y tế Hòa Thành	Tây Ninh	701.778.000	21.053.340
264	72001	Trung tâm y tế Thành phố Tây Ninh	Tây Ninh	401.016.000	12.030.480
265	92004	Bệnh viện đa khoa Thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	4.150.515.600	124.515.470



SeABank

Kết nối giá trị cuộc sống

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trung thừa được phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lành (VNĐ)
266	92010	Bệnh viện đa khoa Quận Thủ Đức	Cần Thơ	3.809.652.000	114.289.560
267	92007	Bệnh viện đa khoa Quận Ô Môn	Cần Thơ	802.032.000	21.060.960
268	92088	Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long	Cần Thơ	573.452.880	17.203.590
269	92001	Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	160.406.400	4.812.200
270	92114	Chí nhánh công ty CP đầu tư và thương mại Phương Châu bệnh viện quốc tế Phương Châu	Cần Thơ	32.081.280	962.440
271	82001	Bệnh viện đa khoa trung tâm Tỉnh Giang	Tiền Giang	1.319.342.640	39.580.280
272	82003	Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang	86.218.440	2.586.560
273	79024	Bệnh viện Nhân Dân 115	TP. Hồ Chí Minh	22.456.896.000	673.706.880
274	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	16.040.640.000	481.219.200
275	79054	Bệnh viện Quận Tân Phú	TP. Hồ Chí Minh	5.413.716.000	162.411.480
276	79039	Bệnh viện huyện Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	4.571.582.400	137.147.480
277	79032	Bệnh viện Quận Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	4.505.815.776	135.174.480
278	79055	Bệnh viện Quận Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	4.250.769.600	127.523.090
279	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	4.010.160.000	120.304.800
280	79009	Trung tâm y tế quận 3	TP. Hồ Chí Minh	4.010.160.000	120.304.800
281	79031	Bệnh viện Quận Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	3.909.906.000	117.297.180
282	79013	Bệnh viện Nguyễn Trí Phương	TP. Hồ Chí Minh	3.320.412.480	99.612.380
283	79075	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	TP. Hồ Chí Minh	3.320.412.480	99.612.380
284	BHUCb	Ben báo vệ, chăm sóc sức khỏe dân bộ LP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	3.208.128.000	96.243.840
285	79012	Bệnh viện An Bình	TP. Hồ Chí Minh	3.007.620.000	90.228.600
286	79010	Bệnh viện Quận 4	TP. Hồ Chí Minh	2.245.689.600	67.370.690
287	79026	Bệnh viện Trương Vương	TP. Hồ Chí Minh	2.085.283.200	62.558.500
288	79019	Bệnh viện Quận 7	TP. Hồ Chí Minh	1.604.064.000	48.121.920
289	79001	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	1.604.064.000	48.121.920
290	79021	Bệnh viện Quận 8	TP. Hồ Chí Minh	1.443.657.600	43.309.730
291	79036	Bệnh viện khu vực Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	1.203.048.000	36.091.440
292	79035	Bệnh viện Quận Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	1.106.804.160	33.204.130
293	79443	Viện Tim Lp Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	1.005.347.112	30.160.420
294	79041	Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	1.002.540.000	30.076.200
295	79028	Bệnh viện Quận 11	TP. Hồ Chí Minh	962.438.400	28.873.160
296	79020	Bệnh viện Phục hồi Chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp	TP. Hồ Chí Minh	529.341.120	15.880.240
297	79033	Bệnh viện Quận Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	501.270.000	15.038.100
298	79029	Bệnh viện Quận 12	TP. Hồ Chí Minh	481.219.200	14.436.580
299	79023	Bệnh viện đa khoa Bưu Điện - Cơ sở 1	TP. Hồ Chí Minh	461.168.400	13.835.060

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị tương đương được phân bổ (VNĐ)	Giá trị báo lãnh (VNĐ)
300	79011	Bệnh viện 30.4	TP. Hồ Chí Minh	240.609.600	7.218.290
301	79017	Bệnh viện Quận 6	TP. Hồ Chí Minh	141.157.632	4.234.730
302	79051	Bệnh viện Quận 1 - Cơ sở 1	TP. Hồ Chí Minh	128.325.120	3.849.760
303	79414	Bệnh viện Lữ Động	TP. Hồ Chí Minh	50.127.000	1.503.810
304	79076	Bệnh viện giao thông vận tải TP HCM	TP. Hồ Chí Minh	48.121.920	1.413.660
305	79494	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	TP. Hồ Chí Minh	23.058.420	691.760
306	79420	Bệnh viện Tai Mũi Họng	TP. Hồ Chí Minh	16.040.640	481.220
307	79397	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	14.035.560	421.070
308	79058	Bệnh Viện Đa Khoa Lữ Nhân Triều An	TP. Hồ Chí Minh	3.015.640.320	90.469.210
309	79439	Bệnh Viện Tầm Tâm Đức	TP. Hồ Chí Minh	626.988.516	18.809.660
310	79516	Bệnh viện đa khoa Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	91.632.156	2.748.970
311	84607	Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang	TP. Vĩnh	521.521.308	15.645.640
312	84005	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiền Giang	TP. Vĩnh	521.521.308	15.645.640
313	86019	Trung Tâm Y tế huyện Mang Thít	Vĩnh Long	521.521.308	15.645.640
314	86032	Trung tâm y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long	521.521.308	15.645.640
315	86134	Trung Tâm Y tế huyện Bình Tân	Vĩnh Long	401.016.000	12.030.480
316	86006	Trung tâm y tế huyện Long Hồ	Vĩnh Long	240.609.600	7.218.290
317	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	Vĩnh Long	80.203.200	2.406.100
		Tổng cộng		444.736.568.892	13.342.098.040